



Bản tin

NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

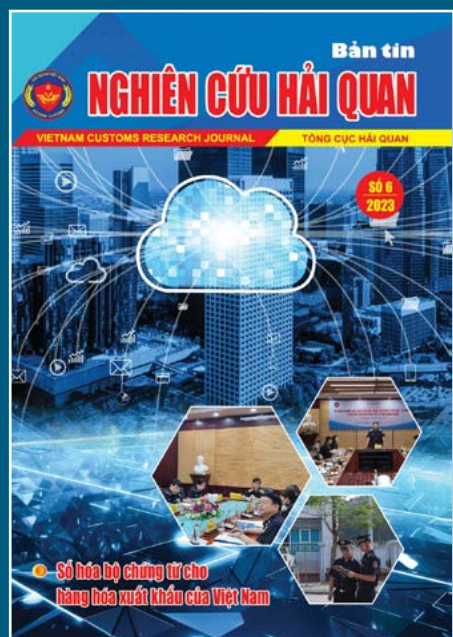
VIETNAM CUSTOMS RESEARCH JOURNAL

TỔNG CỤC HẢI QUAN

**SỐ 6
2023**

**Số hóa bộ chứng từ cho
hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam**





**TỔNG CỤC HẢI QUAN
VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN**

**BẢN TIN
NGHIÊN CỨU HẢI QUAN**

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

ThS. NGUYỄN ANH TUẤN
Viện trưởng Viện NCHQ

BỘ PHẬN BIÊN TẬP

Phòng Quản lý Khoa học
& Thông tin khoa học
Viện Nghiên cứu Hải quan

TÒA SOẠN

Số 9, đường Dương Đình Nghệ,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy,
TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39440833
Máy lẻ: 8703

Email: viennchq@customs.gov.vn

Số 73/GP-XBBT
(Ngày 19/12/2022) - Cục Báo chí
Bộ Thông tin và Truyền thông

In và gia công tại
Công ty TNHH MTV In
Tạp chí Cộng Sản

- 1 Ngành Hải quan: Triển khai có hiệu quả công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại
- 4 Ngành Hải quan đưa ra nhiều giải pháp vì một cộng đồng sạch ma túy
- 7 Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất
- 8 Ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan
- 9 Số hóa bộ chứng từ cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam
- 11 Một số vướng mắc trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thẩm quyền điều tra của cơ quan hải quan
- 18 Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị cho mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh
- 22 Kinh nghiệm Hải quan Trung Quốc về quản lý thương mại điện tử - Xu thế và bài học cho Hải quan Việt Nam
- 25 Vai trò của Hải quan trong thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Vương quốc Anh và Bắc Ai - Len (UKVFTA)

NGÀNH HẢI QUAN: Triển khai có hiệu quả công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại

PV

KIỂM SOÁT CHẶT CHẼ HOẠT ĐỘNG BUÔN LẬU TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG

Nửa đầu năm 2023, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại trong thời gian qua vẫn tiềm ẩn nguy cơ, rủi ro và tiếp tục diễn biến phức tạp. Các đối tượng đều sử dụng thủ đoạn tinh vi, liều lĩnh, manh động để đối phó với các lực lượng chức năng. Trong thời gian qua, cơ quan Hải quan đã phát hiện nhiều vụ việc vi phạm liên quan đến buôn lậu, gian lận thương mại, tập trung vào một số hành vi như: không khai báo, khai hải quan không đúng với thực tế hàng hóa; che giấu nguồn gốc, tuyến đường của lô hàng nhằm buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng cấm, ma túy, động vật hoang dã, tiền tệ qua biên giới.

Cụ thể, trên tuyến biên giới đường bộ, trong 5 tháng đầu năm 2023, hoạt động buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, đặc biệt là gia cầm, đường kính, lâm sản, động thực vật hoang dã, thuốc lá, vận chuyển trái phép ma túy, pháo nổ, vàng, thuốc lá điếu, ngoại tệ, thực phẩm... cũng tiếp tục diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình hình tội phạm ma túy tiếp tục diễn biến khó lường với nhiều thủ đoạn tinh vi. Các đối tượng tội phạm ma túy thường lợi dụng đường biên giới dài, địa hình rừng núi phức tạp, nhiều đường mòn, lối mở và kẻ hở, sự thông thoáng trong cơ chế, chính sách tạo thuận lợi đối với hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quy trình thủ tục hải quan và các chính sách quản lý liên quan để trà trộn, cất giấu, vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào, Campuchia vào Việt Nam qua các tỉnh Tây Bắc Bộ, miền Trung và Tây Nam Bộ. Thời gian qua, các vụ việc về ma túy do cơ quan Hải



quan bắt giữ qua tuyến đường bộ tập trung chủ yếu tại các địa bàn trọng điểm như các cửa khẩu tuyến biên giới giáp với Trung Quốc (Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh), các cửa khẩu tuyến biên giới giáp với Lào (Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Ngãi) và các cửa khẩu tuyến biên giới giáp với Campuchia (Tây Ninh, Bình Phước, An Giang).

Hoạt động vận chuyển hàng hóa gửi kho ngoại quan (Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai), quá cảnh đi Campuchia cũng tiếp tục tiềm ẩn rủi ro trong việc đánh tráo, rút ruột thâm lậu vào nội địa. Ngoài ra, các đối tượng còn lợi dụng hoạt động xuất nhập khẩu để chuyển tiền bất hợp pháp ra nước ngoài thông qua hình thức xuất khống, nhập khống.

Trên tuyến đường biển, các đối tượng buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới tập trung vào các mặt hàng có lợi nhuận cao như xăng dầu, than, khoáng sản, hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng, phế liệu, hàng đông lạnh, gia cầm... Các đối tượng thường hoạt động có tổ chức, sử dụng các chiêu thức mới và thủ đoạn tinh vi như ngụy trang tàu chở hàng lậu thành

khai thác thủy sản, gia cố các bồn bể trên các phương tiện xuất nhập cảnh để che đậy việc mua bán, vận chuyển trái phép hàng lậu... Các tàu vi phạm thường neo đậu ở vùng biển giáp ranh đường phân định, lợi dụng đêm tối, thời tiết xấu,... để sang tải sang ghe, thuyền nhỏ đưa vào nội địa. Nhiều tàu chở hàng lậu còn dùng thủ đoạn như thay đổi tên và số hiệu phương tiện, tuyến hành trình, tắt thiết bị định vị.... Theo Tổng cục Hải quan, tuyến đường biển cũng được đánh giá là địa bàn trọng điểm, tiềm ẩn nguy cơ xuất, nhập lậu chất ma túy, các loại tiền chất có chứa chất gây nghiện, chất hướng thần không có giấy phép của cơ quan chức năng dưới danh nghĩa hàng kinh doanh. Các đối tượng thường sử dụng các phương thức thủ đoạn chủ yếu như khai tên hàng hóa không đúng với thực tế (trà trộn, trộn lẫn ma túy với hàng hóa thông thường), khai sai hàm lượng tiền chất chứa trong hỗn hợp chất, hàng hóa làm thủ tục xuất, nhập khẩu.

Trên tuyến đường hàng không, lợi dụng sự thông thoáng về chế độ, chính sách, phương thức chuyển phát nhanh, dịch vụ ký gửi, hàng hóa, hành lý..., các đối tượng trong và ngoài nước đã móc nối, cấu kết thành các đường dây buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển hàng cấm, các loại hàng hóa, tiền tệ... như ma túy tổng hợp, vũ khí, vật liệu nổ, thuốc lá điếu ngoại, sản phẩm động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, thuốc tân dược, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, rượu, các loại hàng hóa có giá trị cao... qua các cảng hàng không quốc tế. Đặc biệt thời gian qua, việc vận chuyển các chất ma túy qua đường hàng không có chiều hướng tăng đột biến cả về số lượng vụ việc, khối lượng tang vật vi phạm. Các đối tượng sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn vừa thông qua cất giấu, ngụy trang ma túy thành hàng hóa, hành lý ký gửi thông thường, thậm chí các đối tượng liêu lĩnh mang theo hành lý xách tay. Hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy tổng hợp có chiều hướng chuyển dịch tập trung tại Sân bay quốc tế Nội Bài, Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, trên các chuyến bay từ

Hoa Kỳ, các nước thuộc khối EU. Trong đó có sự chuyển dịch từ Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất ra Sân bay quốc tế Nội Bài, sau đó vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt vào phía Nam với các loại ma túy tổng hợp, các loại thuốc tân dược có chứa chất gây nghiện, hướng thần, cần sa.

Đối với địa bàn nội địa, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật về sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng hóa xâm phạm sở hữu trí tuệ, hàng hóa vi phạm về nhãn hàng hóa, kinh doanh hàng hóa hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, kinh doanh hàng nhập lậu, hàng hóa không hóa đơn, chứng từ vẫn còn diễn ra. Hoạt động lợi dụng thương mại điện tử, mua sắm trên các trang mạng xã hội, chuyển phát nhanh, bưu điện... để mua bán, vận chuyển, trà trộn hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ... với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và có chiều hướng diễn biến ngày càng phức tạp hơn xảy ra ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước.

QUYẾT LIỆT CHỈ ĐẠO, NGĂN CHẶN CÁC HÀNH VI BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ

Trước tình hình trên, ngay từ những ngày đầu năm 2023, toàn ngành Hải quan đã tiếp tục tập trung thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, chống buôn lậu... Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng luôn phát huy vai trò cơ quan tham mưu, giúp việc cho cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Ban Chỉ đạo 389 Bộ Tài chính. Trong đó, ban hành Quyết định số 14/QĐ-BCĐ389 ngày 17/03/2023 về việc thành lập tổ công tác liên ngành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện Kế hoạch số 92/KH-BCĐ ngày 13/9/2022 về việc tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên các tuyến biên giới, vùng biển và địa bàn nội địa; Quyết định số 15/QĐ-BCĐ389 ngày 17/03/2023 về việc thành lập tổ công tác liên ngành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện Kế hoạch số 111/KH-BCĐ389 ngày

22/11/2022 của Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế... Bên cạnh đó, Tổng cục Hải quan cũng đã tham mưu Ban Chỉ đạo 389 Bộ Tài chính ban hành công văn số 06/BCĐ389 - ĐVTT ngày 28/4/2023 về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và thất thu thuế. Đồng thời chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, cảnh báo cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, hướng dẫn thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại như: Tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và thất thu thuế trong thời gian tới; tăng cường công tác chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, ma túy qua đường hàng không; văn bản cảnh báo về thực phẩm nhập khẩu có dấu hiệu chứa thành phần cấm sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe và cảnh báo việc lợi dụng đường hàng không để buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa vi phạm.

Tổng cục Hải quan cũng xây dựng Kế hoạch, chương trình để phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) đồng tổ chức hội nghị về công tác quản lý rủi ro an ninh hàng không và phòng, chống buôn lậu qua đường hàng không.

Thực hiện các công tác chuẩn bị triển khai Chiến dịch Con rồng Mê Kông V. Trao đổi thông tin hợp tác giám sát, kiểm soát một số lô hàng trọng điểm giữa Việt Nam và Trung Quốc. Xây dựng kế hoạch làm việc với Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả công tác trao đổi thông tin phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống ma túy.

Với những phương án hành động quyết liệt đó, trong 5 tháng đầu năm 2023 (kỳ từ 16/12/2022 đến 15/05/2023), toàn ngành Hải quan đã phát hiện, bắt giữ và xử lý 6.653 vụ việc vi phạm pháp luật hải quan, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2022. Trị giá hàng hóa vi phạm ước tính 2.125,6 tỷ đồng, tăng 65,6% so với cùng kỳ

năm 2022. Cơ quan Hải quan cũng đã khởi tố 12 vụ, giảm 54% so với cùng kỳ năm 2022 và chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố 59 vụ, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2022, thu nộp ngân sách nhà nước lên tới 294,5 tỷ đồng.

Đặc biệt, trong công tác đấu tranh phòng chống ma túy, tính từ 16/12/2022 đến 15/5/2023, lực lượng Hải quan đã chủ trì, phối hợp với các lực lượng chức năng như Công an, Bộ đội Biên phòng phát hiện, bắt giữ 93 vụ/111 đối tượng, trong đó cơ quan Hải quan chủ trì 46 vụ, so với cùng kỳ năm 2022 là 109 vụ/97 đối tượng, giảm 25% về số vụ và tăng 14% về số lượng đối tượng bắt giữ. Tang vật thu giữ bao gồm 546 kg và 8.624 viên ma túy các loại, cụ thể: 0,9kg thuốc phiện; 4,5kg cần sa; 55,4kg Heroin; 15kg Cocain; 110kg và 8.400 viên Ketamin; 43,7kg Methamphetamine; 5,5kg Amphetamine; 311kg và 224 viên MDMA và 2,1kg ma túy khác (so với cùng kỳ năm 2022, số lượng tang vật là 414,6 kg và 23.163 viên ma túy các loại, tăng 31%).

TĂNG CƯỜNG CHỐNG BUÔN LẬU, GIAN LẬN THƯƠNG MẠI VÀ HÀNG GIẢ TRONG THỜI GIAN TỚI

6 tháng cuối năm 2023, Tổng cục Hải quan sẽ tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả những nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Ban chỉ đạo 389 Bộ Tài chính trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, triển khai áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan để kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hàng hoá xuất nhập khẩu, hành lý, phương tiện xuất nhập cảnh theo các tuyến, địa bàn, mặt hàng, đối tượng trọng điểm. Đặc biệt, cơ quan Hải quan sẽ tập trung trọng tâm vào các mặt hàng trọng điểm là hàng cấm, ma túy, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế, hàng xuất nhập khẩu có điều kiện; loại hình xuất nhập khẩu như gia công, sản xuất xuất khẩu, đầu tư, vận chuyển độc lập, hàng hoá tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh, quà biếu, quà tặng, phi mậu dịch

(Xem tiếp trang 17)

Ngành Hải quan đưa ra nhiều giải pháp vì một cộng đồng sạch ma túy

ĐOÀN NGUYỄN

Theo đánh giá của Ủy ban Kiểm soát ma túy quốc tế (INCB), lợi dụng sự phục hồi của kinh tế thế giới sau đại dịch, các băng nhóm tội phạm đã tìm cách thích nghi để hoạt động khiến tình hình tội phạm ma túy càng thêm phức tạp.

Theo thống kê, hiện thế giới có 284 triệu người trong độ tuổi từ 15 - 64 sử dụng ma túy và 11,2 triệu người tiêm chích ma túy, cứ 8 người tiêm chích ma túy lại có 1 người nhiễm HIV.

Các chất ma túy ngày càng đa dạng, bao gồm cả việc sử dụng các chất ma túy sản xuất từ các loại cây truyền thống, các chất kích thích tổng hợp và opioid, các loại thuốc được kê đơn và các chất hướng thần mới (NPS). Số người chết do sử dụng ma túy khoảng nửa triệu người, trong đó người chết do sử dụng fentanyl và các biến thể tăng mạnh, đặc biệt tại Bắc Mỹ. Lượng tiêu thụ amphetamine, đặc biệt là methamphetamine gia tăng ở Châu Á và Bắc Mỹ, nhưng có chiều hướng giảm tại Tây và Trung Âu; trong khi đó hai thị trường tiêu thụ cocaine chính là Bắc Mỹ, Tây và Trung Âu..

Hiện nay, trên thế giới có 3 trung tâm sản xuất, cung cấp ma túy lớn nhất, gồm: Khu vực Trắng lưỡi liềm vàng; Khu vực Nam Mỹ và Khu vực Tam Giác vàng. Tại khu vực Trắng lưỡi liềm vàng, Afghanistan - nước có vị trí chiến lược quan trọng, nơi giao thoa giữa Nam Á - Trung Á là quốc gia sản xuất thuốc phiện lớn nhất thế giới (chiếm 80% nguồn cung thế giới).

Afghanistan là quốc gia có 38 triệu dân, diện tích đất trồng cây thuốc phiện năm 2020 tăng 37% so với năm trước đó. Đáng lưu ý, hiện nay với



sự sụp đổ của chính quyền thân Mỹ và phương Tây ở Afghanistan, chế độ Taliban lên nắm quyền sẽ dự báo một thời kỳ bất ổn mới cho khu vực này, dẫn đến nguy cơ tình hình sản xuất ma túy sẽ gia tăng trở lại.

Tại khu vực Nam Mỹ, ma túy từ Nam Mỹ theo đường hàng không quá cảnh qua Trung Á (Qatar) đến các nước trong khu vực như: Thái Lan, Campuchia, Việt Nam sau đó tiếp tục đi nước thứ ba (Úc); ma túy từ Nam Mỹ đi Bắc Mỹ và các nước Châu Âu, Châu Á. Một điểm đáng chú ý là trên tuyến này, tội phạm ma túy hoạt động có quy mô lớn với nhiều thủ đoạn tinh vi như đào các đường hầm xuyên biên giới; dùng tàu ngầm vận chuyển ma túy.

VẬN CHUYỂN MA TUÝ QUA ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG DIỄN BIẾN PHỨC TẠP

Các đối tượng buôn lậu lợi dụng sự thông thoáng về chế độ chính sách, sự phát triển của thương mại điện tử, phương thức chuyển phát nhanh, dịch vụ ký gửi hàng hoá, hành lý... móc nối, cấu kết với phía nước ngoài hình thành các đường dây buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua các cảng hàng không quốc tế.

Hàng hóa vi phạm như vũ khí, chất nổ, động vật hoang dã quý hiếm, rượu, thuốc lá, các mặt hàng tân dược, mỹ phẩm, đồ điện tử, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, các loại hàng hóa khác có trị giá cao.

Các đối tượng sử dụng các phương pháp che giấu rất tinh vi như trộn lẫn ma túy với hàng hóa thông thường có dạng viên như thuốc, thực phẩm chức năng; hàng hóa dạng bột như sữa, bột giặt hoặc dầu gội đầu, sữa tắm, cà phê, kẹo socola, ép mỏng vào quần áo, trong các thiết bị điện tử loa, đài, trong vật dụng gia đình...

Các đối tượng bọc ma túy trong các lớp giấy bạc nhằm đối phó với sự kiểm tra của máy soi và chó nghiệp vụ hải quan hoặc kiểm tra thủ công gây khó khăn cho lực lượng làm nhiệm vụ phát hiện.

Đáng chú ý, số tang vật ma túy bị lực lượng hải quan phát hiện có trong cả lô hàng nhập khẩu và xuất khẩu, các đối tượng dùng thủ đoạn cất giấu tinh vi, trà trộn trong các lọ kem dưỡng da, lọ thực phẩm hay các thùng bia.

MUA BÁN MA TUÝ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG KHÓ KIỂM SOÁT

Mua bán trái phép chất ma túy trên không gian mạng đang là xu thế đáng lo ngại và khó kiểm soát hiện nay. Sự phát triển của các nền tảng thương mại trực tuyến có tính ẩn danh cao mang đến nhiều thuận lợi cho cả người bán và người mua ma túy bất hợp pháp. Tuy nhiên, giao dịch trên không gian mạng không làm thay đổi bản chất của tội phạm, đó chỉ là phần nhỏ của thị trường ma túy toàn cầu.

Việc sử dụng tiền điện tử trong giao dịch không ngừng tăng lên, trong đó bitcoin là loại tiền điện tử chính để mua bán ma túy trên các mạng ngầm. Việc chào bán các loại NPS, ma túy mới trên không gian mạng thường sử dụng công cụ được mã hóa, các mạng xã hội, mạng ngầm, người dùng thường xuyên thay đổi phương thức sử dụng để tránh bị phát hiện.

Nghiên cứu tại châu Âu cho thấy, đối tượng chủ thích cụm từ định hướng, biểu tượng cảm

xúc để tìm đến khách hàng tiềm năng. Chúng kết nối qua tin nhắn, kênh trao đổi được mã hóa để giao dịch, sau đó tiền được thanh toán trực tiếp hoặc chuyển khoản, ma túy được chuyển đến địa chỉ theo yêu cầu.

Việc giao dịch ma túy qua các mạng ngầm trong giai đoạn 2017-2022 đã tăng gấp 4 lần so với giai đoạn 2011-2017. Theo đánh giá năm 2022, các giao dịch tại 19 thị trường mạng ngầm ước tính là 315 triệu USD/năm (trong giai đoạn 2011 - 2022), tương đương 0,2% giá trị giao dịch ma túy trái phép tại Mỹ và châu Âu.

Sau đại dịch COVID-19, sự phát triển của thương mại điện tử và thanh toán điện tử trở nên phổ biến hơn. Mặc dù tiền điện tử chưa được chính thức công nhận hợp pháp trong giao dịch thương mại ở nước ta, song không loại trừ đối tượng sẽ lợi dụng các mạng ngầm và tiền điện tử để thực hiện hành vi phạm tội về ma túy

ỨNG PHÓ CỦA VIỆT NAM

Trước tình hình trên thời gian tới, các lực lượng chức năng Việt Nam tiếp tục theo dõi, nắm diễn biến tình hình tội phạm ma túy trong khu vực, nhất là ở các nước giáp biên giới để kịp thời nắm rõ phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của đối tượng, từ đó xây dựng biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời. Đồng thời cần đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế nhằm trao đổi thông tin về tình hình tội phạm ma túy có liên quan đến nước ta, nhất là với những nước có đồng kiều bào sinh sống, làm ăn.

Bên cạnh đó, các ngành chức năng tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức giúp người dân tránh xa hiểm họa ma túy, nhất là các chất hướng thần, ma túy mới xuất hiện trên địa bàn. Ngành y tế cần đầu tư nghiên cứu, sản xuất các loại thuốc gây tê, gây mê, giảm đau mới có hiệu quả điều trị cao, ít gây nghiện. Đối với nhóm thuốc gây nghiện cần phải có đơn kê của bác sỹ điều trị nhằm hạn chế tình trạng lạm dụng, sử dụng sai mục đích dẫn đến hậu quả không đáng có cho sức khỏe người bệnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng

Chính phủ tại Công văn số 3426/VPCP-KGVX ngày 15/5/2023 về việc triển khai tháng hành động phòng, chống ma túy năm 2023 (từ ngày 1 đến ngày 30/6/2023) với chủ đề “Phòng, chống ma túy quyết liệt, hiệu quả, nâng cao trách nhiệm, chủ động phối hợp - Vì một cộng đồng sạch ma túy”, Tổng cục Hải quan vừa có văn bản chỉ đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc triển khai các nội dung công việc liên quan.

Tổng cục Hải quan yêu cầu các đơn vị tăng cường công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy trong địa bàn hoạt động của hải quan nhằm phòng ngừa, ngăn chặn từ xa, từ sớm. Trong đó, chú trọng nâng cao hiệu quả công tác chủ trì, phối hợp giữa cơ quan Hải quan với lực lượng chức năng, nòng cốt là lực lượng Công an trong công tác phòng, chống tội phạm ma túy.

Giao Cục Điều tra chống buôn lậu và các Cục Hải quan các tỉnh, thành phố: TP.HCM, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Cần Thơ, Kiên Giang, làm tốt công tác nghiệp vụ, tăng cường công tác thu thập thông tin, dự báo tình hình, nắm chắc, nhận diện, cảnh báo những phương thức, thủ đoạn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, ma túy qua cửa khẩu cảng hàng không quốc tế nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

Trong đó, tập trung trọng tâm vào các mặt hàng trọng điểm như: vũ khí, ma túy, chất nổ, động vật hoang dã quý hiếm, hàng cấm, rượu, tiền tệ, vàng, thuốc lá, các mặt hàng tân được, mỹ phẩm, đồ điện tử, hàng tiêu dùng đã qua sử dụng, các loại hàng hoá khác có trị giá cao...

Đặc biệt, đối với lực lượng kiểm soát hải quan, lực lượng chuyên trách phòng chống ma túy và các chi cục hải quan cửa khẩu trong toàn ngành tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ; thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình, thủ tục kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá



cảnh tại địa điểm làm thủ tục hải quan để chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vụ việc mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy, tiền chất.

Đồng thời phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với lực lượng chuyên trách phòng chống tội phạm ma túy triển khai đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm về ma túy, tập trung trên các tuyến, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy. Đặc biệt, tập trung phối hợp xây dựng phương án đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy tại địa bàn “nóng” hiện nay là tuyến hàng không, chuyển phát nhanh và một số địa bàn, cửa khẩu trọng điểm. Thường xuyên tổ chức giao ban, tổng kết, trao đổi thông tin, phối hợp đấu tranh các chuyên án chung, đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

Căn cứ các tuyến bay quốc tế qua cảng hàng không do đơn vị quản lý, các đơn vị xác định mặt hàng trọng điểm và tuyến bay trọng điểm để tập trung áp dụng các biện pháp nghiệp vụ thích hợp.

Tăng cường cập nhật, thu thập, phân tích, đánh giá thông tin về hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần... Qua đó, xác định và có kế hoạch đánh giá, quản lý hiệu quả đối với các doanh nghiệp, công ty, nhà máy, xí nghiệp, nhà xưởng, khu công nghiệp, khu chế xuất trọng điểm trong địa bàn hoạt động hải quan; kịp thời nắm bắt và dự báo xu hướng, nguy cơ vi phạm; kịp thời ngăn chặn, phát hiện, xử lý, không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy trong nội địa.../.

Nguồn: Số liệu Tổng cục Hải quan

Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

PV.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái ký Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22/5/2023 ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Cụ thể, phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất gồm: Phế liệu sắt, thép, gang; phế liệu và mảnh vụn của nhựa (plastic); phế liệu giấy; phế liệu thủy tinh; phế liệu kim loại màu.

Trong đó, phế liệu sắt, thép, gang gồm: Phế liệu và mảnh vụn của gang đúc (mã HS 7204 10 00); phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Bằng thép không gỉ (mã HS 7204 21 00); phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Loại khác (mã HS 7204 29 00); phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc (mã HS 7204 30 00); phế liệu và mảnh vụn khác: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, mặt cửa, mặt giữa, phoi cắt và bavias, đã hoặc chưa được ép thành khối hoặc đóng thành kiện, bánh, bó (mã HS 7204 41 00); phế liệu và mảnh vụn khác: Loại khác (mã HS 7204 49 00).

Phế liệu và mảnh vụn của nhựa (plastic) gồm: Từ các polyme từ etylen: Dạng xốp, không cứng (mã HS 3915 10 10); từ các polyme từ etylen: Loại khác (mã HS 3915 10 90); từ các polyme từ styren: Loại khác: Polyme Styren (PS), Acrylonitrin Butadien Styren (ABS); High Impact Polystyrene (HIPS); Expanded Polystyrene (EPS) (mã HS 3915 20 90);...

Phế liệu giấy: Giấy kraft hoặc bìa kraft hoặc giấy hoặc bìa sóng, chưa tẩy trắng (mã HS 4707 10 00); giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ (mã HS 4707 20 00); giấy hoặc bìa được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ, giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự) (mã HS 4707 30 00).

Tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho cơ sở của mình

theo đúng công suất thiết kế để sản xuất ra các sản phẩm, hàng hóa.

Về điều khoản chuyển tiếp, phế liệu giấy có mã HS 4707 90 00 được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần (Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 01/6/2023 được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường thành phần.

Các phế liệu và mảnh vụn của nhựa có mã HS 3915 90 00 được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 01/6/2023 được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường theo các mã HS tương ứng quy định trong Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất ban hành kèm theo Quyết định này.

Các loại phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài theo giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày 01/6/2023 có tên gọi khác (nhưng mã HS không thay đổi) so với Quyết định này thì được tiếp tục nhập khẩu đến hết hiệu lực của giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2023 và thay thế Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Kể từ ngày 01/6/2023, việc nhập khẩu xỉ hạt nhỏ (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép (có mã HS 2618 00 00) làm nguyên liệu sản xuất xi măng được thực hiện theo quy định của pháp luật sản phẩm, hàng hóa về vật liệu xây dựng./.

Ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan

C hính phủ ban hành Nghị định số 26/2023/NĐ-CP Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ban hành kèm theo 4 phụ lục sau:

- 1- Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế.
- 2- Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế.
- 3- Phụ lục III - Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống, đã qua sử dụng.
- 4- Phụ lục IV - Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng thuộc diện áp dụng hạn ngạch thuế quan.

Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế

Nghị định quy định Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm mã số hàng hóa (mã hàng), mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế xuất khẩu quy định cho từng nhóm mặt hàng, mặt hàng chịu thuế xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không có tên trong Biểu thuế xuất khẩu thì người khai hải quan khai mã hàng của hàng hóa xuất khẩu tương ứng với mã hàng 08 chữ số của hàng hóa đó theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và không phải khai thuế suất trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu.

Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này bao gồm:

Mục I: Quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với 97 chương theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Nội dung gồm: Tên các Phần, Chương; Chú giải; Chú giải phân nhóm; Danh mục Biểu thuế nhập khẩu gồm mô tả hàng hóa, mã hàng (08 chữ số) theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định cho mặt hàng chịu thuế.

Mục II: Quy định Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc Chương 98. Nội dung gồm: Chú giải; Cách thức phân loại, điều kiện, thủ tục áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Chương 98, báo cáo kiểm tra quyết toán việc sử dụng hàng hóa được áp

dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại Chương 98; Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi.

Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng máy gia công cơ khí

Các mặt hàng máy gia công cơ khí thuộc các nhóm hàng từ 84.54 đến 84.63 áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

1- Các mặt hàng máy gia công cơ khí trong nước chưa sản xuất được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi bằng 0%. Máy gia công cơ khí nêu tại khoản này là loại không thuộc Danh mục máy móc, thiết bị trong nước đã sản xuất được do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

2- Các mặt hàng máy gia công cơ khí không thuộc trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của các nhóm từ 84.54 đến 84.63 quy định tại Mục I Phụ lục II về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định này.

Thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe ô tô đã qua sử dụng

Nghị định quy định xe ô tô chở người đã qua sử dụng từ 09 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh không quá 1.000cc thuộc nhóm hàng 87.03 áp dụng mức thuế tuyệt đối quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Xe ô tô chở người đã qua sử dụng từ 09 chỗ ngồi trở xuống có dung tích xi lanh trên 1.000cc thuộc nhóm hàng 87.03 và từ 10 đến 15 chỗ ngồi thuộc nhóm hàng 87.02 áp dụng mức thuế hỗn hợp quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Xe ô tô chở người đã qua sử dụng từ 16 chỗ ngồi trở lên thuộc nhóm hàng 87.02 và xe có động cơ đã qua sử dụng dùng để chở hàng hóa có khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 05 tấn, thuộc nhóm hàng 87.04 (trừ ô tô đông lạnh, ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải, ô tô xi téc, ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị; ô tô chở xi măng kiểu bồn và ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được) áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 150%.

Các loại xe ô tô khác đã qua sử dụng thuộc nhóm hàng 87.02, 87.03, 87.04 áp dụng mức thuế suất bằng 1,5 lần so với mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của xe ô tô chưa qua sử dụng cùng chủng loại thuộc cùng nhóm hàng quy định tại Mục I Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này./.

PV.

Số hóa bộ chứng từ cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

ĐỖ VĂN THẮNG

Phó Chỉ cục trưởng - Cục Hải quan tỉnh Thanh Hoá

C hững từ xuất khẩu là tổng hợp những chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu và có sự phù hợp lẫn nhau.

Trong thực tế xuất nhập khẩu tại Việt Nam cũng như trên thế giới và theo hướng dẫn của Cục Quản lý Thương mại Quốc tế, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (<https://www.trade.gov/>), tiêu chuẩn các chứng từ cho xuất khẩu (standard documents used for exporting) hoặc các chứng từ thường dùng cho xuất khẩu (Commonly Used Export Documents), bao gồm:

1. Hóa đơn chiếu lệ (Pro Forma Invoice) hoặc các chứng từ có giá trị tương đương, như: Hợp đồng (Contract), Đơn đặt hàng (Order/Purchase order), Thư tín dụng (Letter Credit - L/C).

Thể hiện các thông tin tối thiểu, cần thiết đã được đàm phán, xác lập giữa bên bán (bên xuất khẩu) với bên mua (bên nhập khẩu), như: số; ngày; mô tả hàng hóa (loại hàng, model, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; đơn giá; số lượng); điều kiện giao hàng; điều kiện thanh toán; thời gian giao hàng.

2. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)

Thể hiện các thông tin về hàng hóa đã được mua bán, xuất khẩu giữa các bên, như: số; ngày; mô tả hàng hóa (loại hàng, model, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; đơn giá; số lượng; tổng giá trị).

3. Bảng kê hàng hóa (Packing list)

Thể hiện các thông tin về đóng gói hàng hóa đã được mua bán, xuất khẩu giữa các bên, như: số; ngày; mô tả hàng hóa (loại hàng, model, thông số kỹ thuật; đơn vị tính; số lượng; trọng lượng; quy cách đóng gói chi tiết); cách thức vận chuyển (đường biển, đường hàng không, đường bộ, đường sông); phương tiện vận chuyển và tên/số ký hiệu (tàu biển; ô tô, máy bay); nếu hàng đóng trong container thì phải có số container/số chỉ của hãng tàu.

Tùy theo từng hoạt động xuất khẩu cụ thể, theo yêu cầu của các bên xuất nhập khẩu, có các

chứng từ liên quan, như: Chứng từ xuất xứ (do bên cấp xuất xứ phát hành hoặc bên xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ), Chứng từ vận chuyển (do bên vận tải hoặc đại lý vận tải phát hành), Chứng từ khử trùng (do bên khử trùng phát hành), Chứng từ bảo hiểm (do bên bảo hiểm phát hành), Chứng từ giám định (do bên giám định phát hành), Giấy phép xuất khẩu (do bên cấp giấy phép phát hành).

03 loại chứng từ nêu trên hoàn toàn do Bên bán (Bên xuất khẩu) phát hành; có nhiều điểm chung, giống nhau nhất định và phải đồng bộ với nhau; thậm chí một số nhà xuất khẩu còn gộp 02 chứng từ thành một chứng từ (Commercial Invoice/ Packing list). Tuy nhiên, thực tế xuất khẩu tại Việt Nam, mỗi doanh nghiệp đang ký hiệu 03 loại chứng từ này theo từng cách quản lý riêng, không đồng bộ, không mang tính chất phổ biến, đại diện chung. Điều này mặc dù mang lại một số thuận lợi nhỏ cho doanh nghiệp (như nhanh chóng giải quyết trước mắt các hồ sơ/tài liệu), nhưng không nhiều, không mang tính bền vững, không khoa học, khó số hóa chứng từ tiến tới hiện đại hóa các quy trình kinh doanh - xuất nhập khẩu, thiếu sự chuyên nghiệp và cũng không mang lại hiệu quả cho công tác quản lý nhà nước hay phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với doanh nghiệp.

Trong khi đó, theo số liệu thống kê của Tổng cục thống kê (<https://www.gso.gov.vn/>), kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm trước; năm 2021 đạt 336,31 tỷ USD, tăng 19% so với năm trước; năm 2022 đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước.

Với sự tăng trưởng các hoạt động xuất khẩu, các doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan nên nghiên cứu, áp dụng (từ thí điểm đến chính thức) việc số hóa chứng từ xuất khẩu cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Nội dung và các cách thức thực hiện là:

1. Xác định tên, nội dung của các loại chứng từ xuất khẩu cần số hóa

- Để đơn giản nhất và cũng phù hợp với thông lệ quốc tế, là tên của 03 loại chứng từ nêu trên.

- Nội dung cụ thể của từng loại chứng từ phải chứa đựng các thông tin tối thiểu, cần thiết cho doanh nghiệp, theo hướng càng ít, càng đơn giản càng tốt. Quan trọng nhất là phải số hóa bằng được tên các chứng từ và ít ký tự. Cụ thể:

- + 03 ký tự đầu: nên là 03 số ngẫu nhiên (với 03 ký tự này có thể tạo ra 999 số không trùng nhau);
- + 01 ký tự tiếp theo: chỉ là gạch chéo giữa 02 ký tự;
- + 02 ký tự tiếp theo: nên là 02 số cuối của năm phát hành (năm 2021: ký hiệu là 21);
- + 01 ký tự tiếp theo: chỉ là gạch chéo giữa 02 ký tự;
- + 02 ký tự tiếp theo: tên của doanh nghiệp xuất khẩu;
- + 01 ký tự tiếp theo: chỉ là gạch giữa, giữa 02 ký tự;
- + 02 ký tự tiếp theo: tên của doanh nghiệp nhập khẩu;
- + 01 ký tự tiếp theo: chỉ là gạch chéo giữa 02 ký tự;
- + 02 ký tự cuối cùng: tên của chứng từ cần số hóa.

Pro Forma Invoice: Ký hiệu là PI (Contract: SC, Order/Purchase order: PO, Letter Credit: LC); Packing list: Ký hiệu là PL và Commercial Invoice: Ký hiệu là CI.

Ví dụ cụ thể: Đơn đặt hàng, mua - bán hàng hóa xuất khẩu số 5 trong năm 2023 giữa Công ty HP và Công ty SC, thì sẽ ký hiệu là: **005/23/HP-SC/PO**); khi xuất khẩu, Công ty HP sẽ lập Packing List có ký hiệu là: **005/23/HP-SC/PL** và Commercial Invoice có ký hiệu là: **005/23/HP-SC/CI**).

Ngoài ra, có thể tham khảo các quy định về tên hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn, số hóa đơn theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hóa đơn chứng từ, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022.

2. Chủ thể thực hiện

- Chủ thể phát hành chứng từ: Chính doanh nghiệp xuất khẩu.

- Đơn vị chấp nhận chứng từ: các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, chủ yếu là các tổ chức: Hải quan, cấp C/O (VCCI, Bộ/Sở Công thương), khủ trù, giám định, thuế, ngân hàng.

- Chủ thể phát động, khuyến khích/động viên các doanh nghiệp xuất khẩu số hóa chứng từ: nên là cơ quan Hải quan, phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

3. Cách thức thực hiện

- Chủ thể phát động nên tham khảo các quy định về mã hóa các ký tự trên các hóa đơn của ngành Thuế; thực tế hoạt động, cung cấp chứng từ nhập khẩu, xuất khẩu của các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, để đưa ra dãy ký tự tối ưu nhất.

- Các doanh nghiệp căn cứ vào khuyến khích của chủ thể quản lý để áp dụng tại đơn vị mình, tại bất kỳ thời điểm nào, cũng không phải đăng ký, hay báo cáo.

4. Kinh phí

Việc số hóa chứng từ xuất khẩu, thực chất chỉ là quy ước, mã hóa tên, nội dung các chứng từ, bất kỳ doanh nghiệp xuất khẩu nào đều cũng phải phát hành để theo dõi, trao đổi với đối tác, các chủ thể liên quan. Do đó, không phải đầu tư bất kỳ khoản kinh phí nào, chỉ mất rất ít thời gian (ban đầu) để áp dụng.

5. Tác dụng

- Việc số hóa chứng từ xuất khẩu không phải là nghĩa vụ mà là quyền lợi của doanh nghiệp, không phải là thủ tục bắt buộc trong quá trình hoạt động xuất nhập khẩu, mục đích chính là để tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, như:

- + Sắp xếp, hệ thống hóa các loại chứng từ xuất khẩu hợp lý.
- + Đồng bộ hóa chứng từ xuất khẩu từ đầu năm đến cuối năm hoặc từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc, dễ tra cứu, dễ sử dụng.
- + Tạo được sự chuyên nghiệp hóa, minh bạch hóa.

- Số hóa chứng từ xuất khẩu thành công hỗ trợ có hiệu quả cho các cơ quan quản lý nhà nước liên quan xây dựng, vận hành các mô hình “số”, “thông minh”, đặc biệt là cơ quan Hải quan (lưu trữ trên các hệ thống; tham khảo, kiểm tra chứng từ)/.

Một số vướng mắc trong quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thẩm quyền điều tra của cơ quan hải quan

Thạc sĩ luật **ĐOÀN THẾ THĂNG**

Đội Điều tra hình sự - Cục Điều tra chống buôn lậu

Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (BL TTHS); Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (Luật TCCQ ĐTHS) qui định một số cơ quan của Hải quan là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, gồm có: Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục Kiểm tra sau thông quan; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chi cục Hải quan cửa khẩu.⁽¹⁾

Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan Hải quan nói trên bao gồm cấp trưởng, cấp phó và cán bộ điều tra thuộc các cơ quan Hải quan này khi được phân công.⁽²⁾

Theo qui định của BL TTHS và Luật TCCQ ĐTHS, cơ quan Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình được khởi tố vụ án hình sự và tiến hành một số hoạt động điều tra theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự.

Qua nghiên cứu BL TTHS; Luật TCCQ ĐTHS và các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan và thực tiễn hoạt động điều tra hình sự trong ngành Hải quan cho thấy một số khó khăn, vướng mắc, bất cập như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền khởi tố bị can của cơ quan Hải quan:

Theo qui định tại khoản 1 Điều 164 BL TTHS và Điều 33 Luật TCCQ ĐTHS: Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm qui định tại các Điều 188, 189 và 190 của Bộ luật hình sự, trong trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt



động điều tra của cơ quan Hải quan theo qui định có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, **khởi tố bị can**.

Khoản 2 Điều 90 Luật Hải quan năm 2014 qui định: “*Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì cơ quan Hải quan, công chức Hải quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thực hiện các hoạt động điều tra theo qui định của pháp luật tố tụng hình sự và pháp luật tổ chức điều tra hình sự*”.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 179 BL TTHS qui định về khởi tố bị can: “*Khi có đủ căn cứ để xác định một người hoặc pháp nhân đã thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự qui định là tội phạm thì Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can*”. Theo qui định này Cơ quan có “thẩm quyền” được ra quyết định khởi tố bị can chỉ quy định có **Cơ quan điều tra (CQĐT)** mà không qui định **Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra** (trong đó có Hải quan) được ra quyết định khởi tố bị can.

Mặc dù tại các Điều 39, Điều 164 BL TTHS, Điều 33 Luật TCCQ ĐTHS đều qui định trong những trường hợp cụ thể nói trên Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) có thẩm quyền “**Khởi tố**

¹ Điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 điều 9 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự.

² Điểm b, điểm h khoản 2 Điều 35 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự.

bị can” nhưng khi quy định điều luật cụ thể về khởi tố bị can tại Điều 179 BL TTHS lại không qui định Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) **được ra quyết định khởi tố bị can**.

Do qui định không thống nhất giữa các điều luật trong BL TTHS và giữa BL TTHS và Luật TCCQ ĐTHS về thẩm quyền khởi tố bị can của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nói chung và cơ quan Hải quan nói riêng, nên còn có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Có quan điểm cho rằng Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) vẫn có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can. Có quan điểm lại cho rằng do khoản 1 Điều 179 BL TTHS chỉ qui định **“Cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”**, không có qui định **“Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra” (trong đó có cơ quan Hải quan)** được ra quyết định khởi tố bị can, vì vậy các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không được ra quyết định khởi tố bị can và như vậy không có thẩm quyền khởi tố bị can.

Xuất phát còn nhiều quan điểm khác nhau và một số nguyên nhân khác dẫn đến trong thời gian từ khi BL TTHS và Luật TCCQ ĐTHS có hiệu lực thi hành đến nay, các cơ quan Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong toàn ngành Hải quan chưa ra quyết định khởi tố được bị can nào.

Quan điểm của tác giả: Tinh thần của Luật Hải quan năm 2014; BL TTHS và Luật TCCQ ĐTHS đã qui định rất rõ và trong các trường hợp cụ thể nói trên cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) có thẩm quyền khởi tố bị can, nhưng Điều 179 BL TTHS về khởi tố bị can lại chỉ qui định Cơ quan điều tra.

Nếu tinh thần của BL TTHS, Luật TCCQ ĐTHS không qui định Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) không có thẩm quyền khởi tố bị can thì tại sao trong các Điều 39 BL TTHS lại giao thẩm quyền **“thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can”**,

“Triệu tập và hỏi cung bị can..”, “Kết luận điều tra, đề nghị truy tố...” của cấp trưởng, cấp phó Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan). Không có thẩm quyền khởi tố bị can, thì làm sao có thẩm quyền **“đề nghị truy tố”** bị can gửi Viện Kiểm sát. Không có thẩm quyền khởi tố bị can, thì tại Điều 181 BL TTHS lại qui định cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) có **“quyền kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý bị can tạm đình chỉ chức vụ của bị can”**.

Thứ hai, về thẩm quyền thực hiện một số biện pháp và hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan:

- Về biện pháp khám người:

Theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 33 Luật TCCQ ĐTHS qui định về nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Hải quan: Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan có quyền **“Khám người”** theo qui định của BL TTHS.

Tuy nhiên tại các Điều 192, Điều 193, Điều 194 BL TTHS chỉ qui định về **“khám xét người”** không có qui định về **“khám người”** như qui định trong Luật TCCQ ĐTHS.

Hơn nữa, tại Điều 193 về **“thẩm quyền ra lệnh khám xét”** qui định: **“Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này có quyền ra lệnh khám xét. Lệnh khám xét của những người được quy định tại khoản 2 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành.”**

Những người qui định tại khoản 1 Điều 113 BL TTHS về quyền ra lệnh khám xét không qui định có người của cơ quan Hải quan. Tuy nhiên, ngay tại trong điều luật này lại qui định **“Lệnh khám xét của những người qui định tại khoản 2 Điều 35”** mà những người qui định tại khoản 2 Điều 35 lại bao gồm những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan.

Tại khoản 1 Điều 193 BL TTHS qui định những người có thẩm quyền ra lệnh khám xét không có những người của cơ quan Hải quan nhưng Lệnh khám xét lại qui định của người được giao nhiệm

vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan. Như vậy những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan có thẩm quyền ra lệnh khám xét hay không? hay chỉ được quyền ra lệnh khám xét và thực hiện đối với những Lệnh khám xét đã được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn?

- Về biện pháp khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát hải quan:

Theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 33 Luật TCCQ ĐTHS qui định về nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Hải quan: Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan có quyền **“khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát hải quan”** theo qui định của BL TTHS.

Tuy nhiên trong BL TTHS không có qui định cụ thể về biện pháp **“khám nơi cất giữ hàng hóa trong khu vực kiểm soát hải quan”** mà chỉ qui định biện pháp **“khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm”** qui định tại các Điều 192, Điều 195 BL TTHS.

Nếu chúng ta cho rằng có căn cứ tại chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm trong khu vực kiểm soát hải quan mà cất giữ hàng hóa có liên quan đến vụ án thì có quyền thực hiện biện pháp **“khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm”** theo qui định tại các Điều 192, Điều 195 hay không. Ngoài ra, hiện nay chưa có qui định nào của pháp luật về **“Khu vực kiểm soát hải quan”** mà chỉ có qui định về **“địa bàn hoạt động hải quan”** tại Điều 7 Luật Hải quan. Như vậy, có thể hiểu **“trong khu vực kiểm soát hải quan”** là trong phạm vi **“địa bàn hoạt động hải quan”** được hay không?

- Về hoạt động triệu tập và hỏi bị can; triệu tập và lấy lời khai bị hại, đương sự; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng; khám nghiệm hiện trường:

Theo qui định tại điểm d khoản 2 Điều 39 BL TTHS qui định cấp trưởng, cấp phó cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) có quyền hạn: triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai bị hại, đương sự; triệu tập và lấy lời khai người làm chứng. Khoản 4 Điều 39 BL TTHS qui định cán bộ điều tra thuộc các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền: hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng, bị hại,



đương sự; khám nghiệm hiện trường, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án.

Tuy nhiên tại BL TTHS các Điều 182 triệu tập bị can; Điều 183 hỏi cung bị can; Điều 185 triệu tập người làm chứng; Điều 188 triệu tập, lấy lời khai của bị hại, đương sự; Điều 201 khám nghiệm hiện trường qui định:

“Khi triệu tập bị can, Điều tra viên phải gửi giấy triệu tập”, “Khi triệu tập người làm chứng đến lấy lời khai, Điều tra viên phải gửi giấy triệu tập” “Điều tra viên chủ trì khám nghiệm hiện trường; “Việc hỏi cung bị can do Điều tra viên tiến hành ngay sau khi khởi tố bị can”... Như vậy, muốn triệu tập bị can, triệu tập người làm chứng đến thì Điều tra viên phải **“gửi giấy triệu tập”**; hỏi cung bị can do Điều tra viên thực hiện trong khi các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) không có chức danh **“Điều tra viên”** mà chỉ có cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Như vậy, các chức danh này có được gửi giấy để triệu tập bị can, bị hại, người làm chứng đến không, có được hỏi cung bị can trong khi BL TTHS không có qui định, dẫn đến cách hiểu khác là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) không có thẩm quyền triệu tập và hỏi cung bị can, bị hại, người làm chứng và không thể thực hiện được hoạt động này, mặc dù Điều 39 BL TTHS có qui định thẩm quyền này.

- Về hoạt động thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án:

Theo qui định tại điểm d khoản 2 Điều 39 BL TTHS qui định cấp trưởng, cấp phó cơ quan được

giao tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có Hải quan) có quyền: “Quyết định khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án”; điểm d khoản 4 Điều 39 BL TTHS qui định cán bộ điều tra có quyền: “thi hành lệnh khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án”.

Theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 33 Luật TCCQ ĐTHS qui định về nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Hải quan: Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của cơ quan Hải quan có quyền “thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án” theo qui định của BL TTHS.

Tuy nhiên, Điều 198 BL TTHS qui định về tạm giữ tài liệu, đồ vật khi khám xét: *Khi khám xét, Điều tra viên được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án...*

Như vậy, BL TTHS chỉ qui định cụ thể việc tạm giữ vật chứng, tài liệu có liên quan đến trực tiếp vụ án khi thực hiện khám xét là Điều tra viên, trong khi các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra lại không có chức danh tư pháp “Điều tra viên”. Do qui định trên đã gây cách hiểu khác nhau là chỉ Điều tra viên mới có thẩm quyền tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án. Cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có được thực hiện quyền này không trong khi Điều 39 BL TTHS đã qui định quyền này.

Thứ ba, về qui định và triển khai thực hiện biện pháp ngăn chặn bắt người phạm tội quả tang của cơ quan Hải quan:

Điều 111 BL TTHS qui định bắt người phạm tội quả tang:

“1. Đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm mà bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện Kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Các cơ quan này phải lập biên bản tiếp nhận và giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho CQĐT có thẩm quyền...”

Như vậy, khi phát hiện người phạm tội quả tang thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt, trong

đó có trường hợp người của cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Tuy nhiên còn có cách hiểu khác nhau trong qui định bắt người phạm tội quả tang liên quan đến thẩm quyền của cơ quan Hải quan dẫn đến trên thực tế triển khai thực hiện trình tự, thủ tục bắt người phạm tội quả tang thực hiện chưa thống nhất, có nhiều vấn đề cần làm rõ như sau:

-Sau khi bắt người phạm tội quả tang, cơ quan Hải quan có quyền được thực hiện các việc sau hay không: lập biên bản bắt người phạm tội quả tang; lấy lời khai của người phạm tội, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến; có được khám người bị bắt; thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, hay chỉ có quyền lập biên bản chứng nhận sự việc, hoặc không phải lập biên bản chứng nhận và phải giải ngay người bị bắt đến cơ quan Công an, Viện Kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

- Có quan điểm cho rằng: khi bắt người phạm tội quả tang, cơ quan Hải quan không có quyền lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thực hiện các biện pháp khác như trên, phải giải ngay người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền để bàn giao.

- Có quan điểm cho rằng: chỉ những trường hợp phạm tội quả tang thuộc quyền điều tra của cơ quan Hải quan đối với các tội danh tại (các Điều 188,189 và 190 Bộ luật Hình sự) thì những người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan sau khi bắt người phạm tội quả tang mới được có quyền được lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lấy lời khai... và thực hiện các biện pháp điều tra khác theo qui định của BL TTHS rồi sau đó giải người bị bắt đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Tổng cục Hải quan đã có văn bản trao đổi, đề nghị Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nêu quan điểm về vấn đề này và được trả lời như sau:

Bộ Công an nêu quan điểm: Sau khi bắt người phạm tội quả tang, cơ quan Hải quan không có quyền lập biên bản phạm tội quả tang, không đề cập đến các vấn đề khác.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao nêu quan điểm: Đối với những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Hải quan (các Điều 188,189 và 190 Bộ luật Hình sự) thì những người có thẩm quyền

thuộc cơ quan Hải quan có nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành các hoạt động tố tụng trong đó có bắt người phạm tội quả tang, lấy lời khai... theo qui định.

Đối với những tội phạm không thuộc thẩm quyền điều tra của mình mà cơ quan Hải quan bắt người phạm quả tang thì khi bắt giữ, cơ quan Hải quan chỉ cần tiến hành lập biên bản ghi nhận lại sự việc, sau đó giải đến cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền, không phải tiến hành các hoạt động tố tụng, như: lấy lời khai, quyết định các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trưng cầu giám định...

Quan điểm của tác giả về qui định và thực hiện bắt người phạm tội quả tang của cơ quan Hải quan như sau:

Cơ quan Hải quan khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện phạm tội quả tang quy định tại các Điều 188, 189, 190 BLHS thuộc thẩm quyền điều tra của cơ quan Hải quan thì có quyền lập biên bản phạm tội quả tang, lấy lời khai người phạm tội, lời khai người làm chứng, người chứng kiến... và thực hiện các hoạt động điều tra khác theo qui định của BL TTHS và sau đó giải người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền theo qui định.

Đối với những tội phạm không thuộc thẩm quyền điều tra của mình mà cơ quan Hải quan bắt người phạm quả tang thì khi bắt giữ, cơ quan Hải quan chỉ cần tiến hành lập biên bản ghi nhận lại sự việc, sau đó giải ngay người bị bắt đến cơ quan có thẩm quyền hoặc thông báo cho CQĐT có thẩm quyền.

Trong trường hợp trên nếu cơ quan Hải quan khi bắt người phạm tội quả tang đối với những tội danh thuộc thẩm quyền khởi tố, điều tra của cơ quan Hải quan mà không được tiến hành các hoạt động điều tra (lập biên bản phạm tội quả tang, lấy lời khai...) mà phải giải ngay người bị bắt đến Cơ quan có thẩm quyền sẽ gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan Hải quan khi thực hiện các hoạt động điều tra theo thẩm quyền, chưa đảm bảo nguyên tắc của Bộ luật Hình sự “mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện, xử lý kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật”.

Thứ tư, về thẩm quyền tạm đình chỉ điều tra,

đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra và phục hồi điều tra:

Theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 39 BL TTHS qui định: Khi tiến hành tố tụng hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch của người phạm tội rõ ràng thì thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (điểm b khoản 2 Điều 35 BL TTHS) có nhiệm vụ, quyền hạn: “Kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra; quyết định tạm đình chỉ điều tra; quyết định phục hồi điều tra”.

Tuy nhiên, tại các điều luật cụ thể tại Chương XVII qui định về Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra lại qui định:

Điều 229 Tạm đình chỉ điều tra: “CQĐT ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra...”; Điều 230 Đình chỉ điều tra: “CQĐT ra Quyết định đình chỉ điều tra...”; Điều 232 Kết thúc điều tra: “Khi kết thúc điều tra, CQĐT phải ra bản kết luận điều tra. Việc kết thúc điều tra khi CQĐT đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định tạm đình chỉ điều tra”; Điều 235 Phục hồi điều tra: “Khi có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra thì CQĐT ra quyết định phục hồi điều tra...” Như vậy, trong các qui định cụ thể (từ Điều 229 đến Điều 235 BL TTHS) về tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra; kết thúc điều tra; phục hồi điều tra chỉ quy định “Cơ quan điều tra” mà không qui định cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) được ra các Quyết định tạm đình chỉ; Quyết định phục hồi điều tra; ra Bản kết luận điều tra, trong khi tại điểm g khoản 2 Điều 39 BL TTHS lại quy định những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có người của Cơ quan Hải quan) có quyền hạn này.

Như vậy, khi tiến hành tố tụng hình sự đối với tội phạm ít nghiêm trọng, trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch của người phạm tội rõ ràng thì những người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo qui định của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số

hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) có thẩm quyền tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra, ra bản kết luận điều tra trong những trường hợp theo qui định không, trong khi những người này không phải thuộc CQĐT? Nếu thực hiện có vi phạm BL TTHS hay không.

Thứ năm, khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo quản tài sản, đồ vật, tài liệu, vật chứng trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc hình sự, đặc biệt đối với những vụ án, vụ việc tạm đình chỉ

- Cơ quan Hải quan không có thẩm quyền thành lập Kho vật chứng:

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 90 BL TTHS: Công an, Quân đội, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có cơ quan Hải quan) có trách nhiệm bảo quản vật chứng ở giai đoạn điều tra, truy tố...

Tuy nhiên theo quy định tại Nghị định số 18/2002/NĐ-CP ngày 18/02/2002 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý kho vật chứng (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 70/2013/NĐ-CP ngày 02/7/2013 của Chính phủ), việc tổ chức kho vật chứng chỉ tổ chức tại các cơ quan thuộc lực lượng Công an, Quân đội và Thị hành án dân sự, **chưa có quy định tổ chức kho vật chứng cho lực lượng Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư...** (cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra).

- Khó khăn trong bảo quản, xử lý vật chứng tại giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm:

Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, cơ quan Hải quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có nhiều trường hợp phải tạm giữ vật chứng có liên quan để phục vụ công tác kiểm tra, xác minh nguồn tin tội phạm nhưng không có kho vật chứng để bảo quản. Do đó một số trường hợp cơ quan Hải quan phải đưa tài liệu, đồ vật, vật chứng vào bảo quản chung tại kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính của Hải quan, một số trường hợp phải thuê kho, bãi của các tổ chức, cá nhân để quản lý vật chứng, có trường hợp giao cho các đơn vị kinh doanh kho, bãi, cảng quản lý.

Như vậy, vật chứng được cơ quan Hải quan thu thập, tạm giữ trong giai đoạn giải quyết nguồn

tin về tội phạm không được bảo quản trong các Kho vật chứng, không được quản lý theo đúng "Nội quy quản lý kho vật chứng" theo qui định của pháp luật, do đó rất dễ dẫn đến vật chứng bị mất mát, hư hỏng, lẫn lộn. Đặc biệt một số vụ việc cơ quan Hải quan phải ra quyết định tạm giữ vật chứng, tài sản là: xăng dầu, hàng hóa là thực phẩm đông lạnh, pháo nổ, thuốc lá điếu, thuốc tân dược... có yêu cầu đòi hỏi việc bảo quản rất nghiêm ngặt hoặc phải có chế độ bảo quản riêng nếu không dễ dẫn đến hư hỏng, nguy cơ mất an ninh, an toàn trong công tác phòng chống cháy nổ...

- Khó khăn trong việc bảo quản vật chứng đối với các vụ án do cơ quan Hải quan đã khởi tố vụ án và đã bàn giao hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để điều tra:

Cơ quan Hải quan sau khi khởi tố vụ án hình sự đều đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân có thẩm quyền ra quyết định chuyển vụ án hình sự và toàn bộ vật chứng đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền tiếp nhận để điều tra theo qui định của pháp luật.

Trong nhiều trường hợp, cơ quan điều tra tiếp nhận hồ sơ vụ án và vật chứng theo Quyết định chuyển vụ án của Viện kiểm sát có thẩm quyền. Tuy nhiên thực tế, còn có một số Cơ quan điều tra rất chậm trễ trong việc tiếp nhận vật chứng vụ án với rất nhiều lý do hoặc có văn bản đề nghị cơ quan Hải quan phối hợp tiếp tục quản lý vật chứng của vụ án trong giai đoạn điều tra, truy tố trong khi cơ quan Hải quan không được tổ chức kho vật chứng hoặc thuộc trường hợp tài sản, vật chứng, đồ vật không thể di chuyển về kho vật chứng theo qui định của pháp luật.

Hơn nữa các vụ án hình sự do cơ quan Hải quan khởi tố thường có đặc điểm là trị giá tang vật vi phạm lớn, nhưng cơ quan điều tra khi tiếp nhận hồ sơ vụ án không tiếp nhận ngay vật chứng của vụ án, gây khó khăn cho cơ quan Hải quan trong việc bảo quản những vật chứng này.

Đặc biệt có một số trường hợp cơ quan điều tra đưa ra lý do chỉ tiếp nhận hồ sơ vụ án mà không tiếp nhận ngay vật chứng của vụ án vì trong qui định của Luật TCCQ ĐTHS không qui định **"chuyển vật chứng của vụ án"** như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33 Luật

TCCQ ĐTHS: Đối với tội phạm nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc tội phạm ít nghiêm trọng nhưng phức tạp thì cơ quan Hải quan quyết định khởi tố vụ án hình sự, lấy lời khai, thu giữ vật, tạm giữ và bảo quản vật chứng,... **chuyển hồ sơ vụ án** cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

Một số trường hợp cơ quan điều tra đưa ra lý do không có đủ cơ sở vật chất, kho vật chứng để bảo quản vật chứng nên đề nghị cơ quan Hải quan khởi tố vụ án vẫn tiếp tục quản lý, bảo quản vật chứng. Việc này dẫn đến khó khăn do cơ quan Hải quan không có kho vật chứng, việc bảo quản tang vật phải thuê địa điểm của các doanh nghiệp kinh doanh kho bãi với thời gian kéo dài, chi phí lớn. Các chi phí này, cơ quan Hải quan không có căn cứ để quyết toán do vụ án hình sự đã được chuyển cho cơ quan điều tra thụ lý.

Một số đề xuất, kiến nghị

Một là, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung BL TTHS, Luật TCCQ ĐTHS theo hướng để đảm bảo hoạt động điều tra của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trong đó có

cơ quan Hải quan) có thể thực hiện trên thực tiễn. Những thẩm quyền nào trong BL TTHS, Luật TCCQ ĐTHS đã qui định cho cấp trưởng, cấp phó, cán bộ điều tra thuộc các Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thì các điều luật cụ thể để thực hiện các thẩm quyền này cần bổ sung các cơ quan và các chức danh của các cơ quan này. Hoặc những hoạt động, biện pháp điều tra nào của cơ quan Hải quan đã được Luật TCCQ ĐTHS qui định thì cũng phải được qui định trong BL TTHS để có cơ sở thực hiện.

Hai là, kiến nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích luật về Điều 111 BL TTHS về bắt người phạm tội quả tang để tránh những cách hiểu và thực thi khác nhau.

Ba là, đánh giá, tổng kết toàn diện công tác quản lý, bảo quản xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật trong quá trình giải quyết các vụ án, vụ việc hình sự, công tác phối hợp tiếp nhận quản lý vật chứng giữa các cơ quan. Thực hiện pháp điển hóa, hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật về lĩnh vực này, sớm xây dựng sửa đổi, bổ sung văn bản qui phạm pháp luật để điều chỉnh quan hệ pháp luật trong lĩnh vực này./.

Ngành Hải quan: Triển khai...

(Tiếp theo trang 3)

và hàng hoá gửi kho ngoại quan... nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại đặc biệt là ma túy, vũ khí, chất nổ và các mặt hàng khác ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, an toàn cộng đồng. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai quyết liệt các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia trong công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên tuyến biên giới, vùng biển và địa bàn nội địa; đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hoá qua cảng hàng không quốc tế.

Tổng cục Hải quan cũng cần đẩy mạnh công tác phối hợp, trao đổi thông tin với các lực lượng

trong và ngoài ngành, ngoài nước trong việc xây dựng các phương án, kế hoạch điều tra, xác minh đấu tranh ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong lĩnh vực hải quan.

Đồng thời, Tổng cục Hải quan cần kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, cảnh báo cho các Cục Hải quan tỉnh, thành phố, hướng dẫn thực hiện công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại; kế hoạch kiểm soát hải quan trong toàn Ngành năm 2023; triển khai công tác trọng tâm về thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ kiểm soát hải quan năm 2023; triển khai Kế hoạch chống buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa qua cảng hàng không quốc tế. Khai thác, thu thập thông tin trong nước, cung cấp thông tin về phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm để chủ động xây dựng kế hoạch đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả./.

Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị cho mô hình Hải quan số, Hải quan thông minh

KHÁNH YÊN

Trường Hải quan Việt Nam

Đổi mới hoạt động đào tạo bồi dưỡng (ĐTBD) là xu hướng tất yếu nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng và hiệu quả ĐTBD trên cơ sở tập trung nguồn lực đẩy mạnh ĐTBD theo tiêu chuẩn chuyên ngành, các yêu cầu của khung năng lực vị trí việc làm. Đối với ngành Hải quan, đổi mới ĐTBD vừa là yêu cầu tất yếu, vừa là bức thiết, xuất phát từ nhu cầu nội tại của Ngành để khắc phục các tồn tại hạn chế, tiến tới xây dựng nguồn nhân lực tinh nhuệ, có trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, liêm chính; làm chủ được công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số của Ngành, thực hiện Hải quan số, Hải quan thông minh. Để thực hiện nhiệm vụ đó, cần tập trung quyết liệt triển khai một số giải pháp nền tảng, cốt lõi.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng ngành Hải quan

Yêu cầu đổi mới ĐTBD cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tập trung vào hai trụ cột chính: Chuyển đổi số trong công tác quản lý ĐTBD, bao gồm: số hóa thông tin quản lý, quy trình tổ chức thực hiện; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu lớn (big data) về ĐTBD cán bộ, công chức, viên chức; ứng dụng công nghệ để quản lý, điều hành, ra quyết định... và Chuyển đổi số trong tổ chức giảng dạy, như: số hóa học liệu, bài giảng điện tử, thư viện số; ứng dụng công nghệ trong quản lý lớp học, kiểm tra, đánh giá... phục vụ ĐTBD từ xa, trực tuyến.

Để thực hiện được giải pháp này cần phải tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số và dữ liệu số, cụ thể: Phát triển và vận hành hạ tầng mạng truyền thông ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối mạng truyền số liệu từ Tổng cục

Hải quan đến Trường Hải quan Việt Nam và các đơn vị Hải quan địa phương theo hướng tương thích và kết nối với nhau, tích hợp trên cùng một nền tảng số; Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Hải quan về ĐTBD, bảo đảm cập nhật, kết nối, chia sẻ với dữ liệu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng của công chức viên chức ngành Hải quan; Xây dựng các cụm máy chủ để phục Hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến (ĐTTT) (LMS) cho cán bộ, công chức, viên chức trong Ngành cũng như cộng đồng doanh nghiệp; Rà soát, cập nhật quy định, quy chế về an toàn, an ninh mạng.

Đổi mới nhận thức về phương pháp dạy và học

Nhằm đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức Hải quan có đủ tiêu chí để thích ứng với mô hình hải quan số, hải quan thông minh, trước hết cần phải đổi mới triết lý ĐTBD theo hướng chuyển từ bồi dưỡng kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học.

Khi áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực thì người học đóng vai trò trung tâm còn người dạy đóng vai trò dẫn dắt. Với vai trò là người “dẫn dắt”, giảng viên nên thiết kế bài giảng sao cho tất cả người học đều được tham gia chủ động, tích cực và quá trình học. Điều này cũng đòi hỏi người giảng phải thật sự đầu tư công sức và thời gian để nghiên cứu và lựa chọn các phương pháp phù hợp đối với những nội dung chuyên môn khác nhau như phương pháp đóng vai, phương pháp chia nhóm, phương pháp hỏi đáp, phương pháp thảo luận, phương pháp thực hành...

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ĐTTT và áp dụng mô hình đào tạo kết hợp (Blended learning)

ĐTTT là hình thức đào tạo đã và đang được triển khai rộng rãi, phù hợp với yêu cầu cải cách,

hiện đại hoá của Ngành, tiết kiệm chi phí, thời gian cho cá nhân và đơn vị. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc thù của ngành Hải quan là đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu mang tính “cầm tay chỉ việc”, hình thức ĐTTT không thể thay thế hoàn toàn hình thức đào tạo trực tiếp. Vậy nên để phát huy được tối đa hiệu quả tính ưu việt của các hình thức đào tạo thì mô hình đào tạo kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (Blended learning) sẽ là một giải pháp phù hợp nhất trong bối cảnh hiện nay.

Để phương pháp này được áp dụng một cách hiệu quả, người học và người dạy phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- *Đối với cán bộ công chức tham gia học tập:* phải có khả năng ứng dụng và sử dụng thành thạo CNTT, làm quen dần với các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tìm ra cách học phù hợp với bản thân, mạnh dạn hỏi, trao đổi, thảo luận...

- *Đối với giảng viên:* phải có khả năng làm chủ CNTT, phương tiện giảng dạy hiện đại. Để làm được điều này, giảng viên cần đầu tư thêm thời gian cho việc nghiên cứu, ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho việc thiết kế bài giảng, thay đổi phương pháp giảng dạy...

Đối với Trường Hải quan Việt Nam:

- Tập trung hoàn thiện, nâng cấp đưa vào sử dụng Hệ thống. Học viên sẽ học lý thuyết trên hệ thống trực tuyến và đến Trường Hải quan Việt Nam chủ yếu để hoàn thành nội dung thực hành. Xây dựng nguồn học liệu dùng chung, học tập các kinh nghiệm xây dựng hệ thống quản lý, chính sách hỗ trợ người dạy, người học khi áp dụng mô hình dạy học Blended learning.

- Kết cấu lại thời lượng chương trình giảng dạy: xác định rõ tỷ lệ kết hợp được sử dụng trong mô hình Blended learning.

- Tăng cường các buổi tập huấn sử dụng phần mềm dạy học, các công cụ phục vụ dạy học trực tuyến, đưa ra chính sách để hỗ trợ người dạy như: thay đổi hệ số tính giờ giảng đối với các môn học có áp dụng mô hình dạy học Blended learning, có thay đổi phương pháp dạy học, có làm mới tài liệu học tập phục vụ mô hình dạy học Blended learning,...

Đào tạo theo mô hình giáo cụ trực quan

Đào tạo theo mô hình giáo cụ trực quan tức là sử dụng các phương tiện trực quan giúp người học nhận biết được hình dạng, đặc điểm bên ngoài của sự vật - hiện tượng từ đó dễ dàng hiểu kiến thức. Để triển khai giải pháp này một cách hiệu quả cần phải:

- Rà soát lại hệ thống giáo cụ trực quan hiện có tại Trường Hải quan Việt Nam để đánh giá lại một cách khách quan về việc triển khai phương pháp đào tạo này trên thực tế.

- Tiến hành rà soát từng nội dung chương trình học và các môn học, chuyên đề cụ thể để xác định những môn học nào cần có sự hỗ trợ của giáo cụ trực quan. Từ đó phân bổ thời lượng giữa học trên lớp và học tại phòng/địa điểm có giáo cụ trực quan.

- Xây dựng hệ thống danh mục giáo cụ trực quan tương ứng với những môn học hoặc chuyên đề khuyến nghị cần phải có giáo cụ trực quan. Từ đó xác định các loại giáo cụ trực quan cần phải có để trưng bày, các nguồn để khai thác trang bị giáo cụ trực quan và cách thức trưng dụng các giáo cụ trực quan đó.

- Tập huấn cho giảng viên về phương pháp triển khai học tập thông qua giáo cụ trực quan.

Đào tạo theo mô hình hải quan giả lập

- Nghiên cứu, rà soát và hệ thống hóa lại các trang thiết bị chuyên dùng có giá trị lớn có thể mô phỏng giả lập được, các hệ thống phần mềm hải quan cần trang bị trên thực tế tại các Chi cục Hải quan;

- Xây dựng một không gian mô phỏng Chi cục Hải quan tại các cửa khẩu trên thực tế tại Trường (khu vực dành cho cán bộ Hải quan, khu vực dành cho người dân, các thiết bị máy tính, máy in, phần mềm Hệ thống, theo loại hình vận tải đường bộ, đường biển, đường hàng không...);

- Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan xây dựng các phần mềm mô phỏng trên, triển khai cài đặt và kết nối liên thông các phần mềm nghiệp vụ của ngành Hải quan tại Chi cục Hải quan giả lập tại Trường. Chuẩn bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, băng thông...) tại

trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan để đáp ứng các công việc trên.

Đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Hải quan

- Giảm tải lý thuyết, tăng cường thực tiễn, đào tạo theo hướng chuyên sâu, chuyên biệt; đáp ứng yêu cầu bổ sung kiến thức, kỹ năng mà cán bộ công chức còn thiếu hụt, chứ không phải cung cấp cho họ những kiến thức, kỹ năng mà họ đã biết, đã có hoặc không còn phù hợp.

- Xây dựng nội dung, chương trình ĐTBĐ phù hợp với chức danh, vị trí việc làm.

- Rà soát, thẩm định và cập nhật nội dung chương trình ĐTBĐ hiện có nhằm tránh chồng chéo; loại bỏ những chương trình tài liệu, giáo trình chất lượng, hàm lượng chuyên môn sơ sài, không cập nhật; nghiên cứu, đề xuất xây dựng mới chương trình, tài liệu, giáo trình theo hướng xây dựng các bài tập tình huống, giảm thời lượng đào tạo lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, trang bị cho học viên phương pháp tiếp cận tự nghiên cứu, học tập.

- Triển khai xây dựng các chương trình đào tạo mới để đáp ứng xu thế của thời đại như: Chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số; Chương trình bồi dưỡng tiếng Anh cho cán bộ công chức giữ các vị trí lãnh đạo quản lý chủ chốt và cán bộ quy hoạch, nguồn của cơ quan, đơn vị có nhu cầu giao tiếp tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn.

- Hoàn chỉnh tài liệu đào tạo của 08 lĩnh vực vị trí việc làm đã được phê duyệt khung năng lực.

- Nghiên cứu sửa đổi tài liệu, giáo trình bồi dưỡng nghiệp vụ hải quan tổng hợp theo hướng: Xem xét rút ngắn số tiết và thời gian học hoặc kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến để tạo thuận lợi cho học viên. Tăng cường việc xây dựng bài giảng theo hai hình thức: bài giảng trực tiếp và bài giảng trực tuyến nhằm khuyến khích các công chức tự học tập và bồi dưỡng tại chỗ; Tăng cường và bổ sung các nội dung về đạo đức nghề nghiệp, lễ lối, tác phong, văn hoá công sở; Tăng thời lượng thực hành theo hướng xây dựng hệ thống các bài tập tình huống nghiệp vụ thuộc

các lĩnh vực chuyên môn và xây dựng mô hình Chi cục Hải quan giả định.

- Xây dựng và hoàn thiện giáo trình, tài liệu đào tạo bồi dưỡng cho cộng đồng doanh nghiệp và Hải quan một số nước ASEAN.

- Rà soát, sửa đổi và chuẩn hóa giáo trình nghiệp vụ khai hải quan cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Rà soát và phối hợp với các cơ sở đào tạo ngoài ngành xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng cho công chức Hải quan sát với nhu cầu, yêu cầu nhiệm vụ của ngành Hải quan.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Để chuẩn bị cho triển khai hải quan số, việc có một đội ngũ giảng viên “tinh nhuệ” giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, thông thạo các kỹ năng giảng dạy và ngoại ngữ, tin học rất quan trọng. Cần kết hợp giữa việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu và đội ngũ giảng viên kiêm chức.

Đối với đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Hải quan Việt Nam

- Tiếp tục cử biệt phái giảng viên cơ hữu của Trường Hải quan Việt Nam đi thực tế tại các Cục chuyên môn tại cơ quan Tổng cục và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố để tiếp cận với mô hình nghiệp vụ hải quan mới trong quá trình chuyển đổi hải quan số và hải quan thông minh.

- Trường Hải quan Việt Nam chủ động xây dựng kế hoạch bổ sung kiến thức cho đội ngũ giảng viên cơ hữu: mỗi giảng viên giảng dạy ít nhất được 01 lĩnh vực nghiệp vụ chuyên sâu. Ngoài ra, tăng cường kiến thức bổ trợ cho đội ngũ này như: đạo đức công vụ, kỹ năng sư phạm, khả năng thuyết trình, xây dựng lập kế hoạch...

- Trường Hải quan Việt Nam cần chú trọng đến việc xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh của Trường và có cơ chế tuyển mới những giảng viên giảng dạy bằng tiếng Anh để bổ sung cho nguồn lực của Trường.

- Tiếp tục cử giảng viên cơ hữu tham gia các khóa đào tạo về chuyển đổi số và đào tạo kỹ năng giảng dạy trong môi trường số, thiết kế bài giảng trực tuyến v.v...

Đối với đội ngũ giảng viên kiêm chức

- Liên tục bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sư phạm, kỹ năng ngoại ngữ và tin học để kiện toàn và phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức hiện có.

- Xây dựng kế hoạch tìm kiếm và lựa chọn những cán bộ công chức Hải quan có nghiệp vụ chuyên sâu, có khả năng truyền đạt để bổ sung cho lực lượng giảng viên kiêm chức hiện nay.

- Khuyến khích công chức lãnh đạo thuộc diện quy hoạch của ngành Hải quan mỗi năm phải tham gia giảng dạy hoặc báo cáo chuyên đề tại Trường Hải quan Việt Nam.

- Cần có cơ chế và chính sách đãi ngộ cho giảng viên nói chung và giảng viên kiêm chức nói riêng một cách thích đáng.

Đổi mới công tác đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức

Đánh giá chất lượng và hiệu quả ĐTBĐ cán bộ công chức Hải quan cần tập trung vào đánh giá “đầu ra”, là kết quả cuối cùng của hoạt động ĐTBĐ và bám sát các quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 hướng dẫn một số quy định của Nghị định 101/2017/NĐ-CP và Nghị định 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của Trường Hải quan Việt Nam

- Xây dựng hệ thống phòng học tương tác thông minh với các thiết bị hiện đại: màn hình tương tác thông minh, máy tính bảng/ máy tính dành cho học viên, tai nghe cho học viên, hệ thống mạng không dây, hệ thống âm thanh lớp học, hệ thống camera ghi hình, trợ giảng, dự giảng từ xa, phần mềm dạy học trực tuyến và quản lý học sinh, tủ sục và bảo quản thiết bị di động...

- Xây dựng Chi cục Hải quan giả lập dựa trên việc mô phỏng hoạt động thực tế của các dạng Chi cục Hải quan tại cửa khẩu (đường bộ, đường thủy, đường không) với các trang thiết bị và phần mềm tương tự.

- Xây dựng và phát triển các phần mềm mô phỏng lại hoạt động của các trang thiết bị

chuyên dùng như: tàu, thuyền, máy soi chiếu...

- Trang bị thêm các thiết bị, giáo cụ trực quan cho nhà giáo cụ trực quan của Trường.

- Xây dựng ký túc xá Block 2 đạt chuẩn quốc tế nhằm phục vụ đội ngũ chuyên gia. Phòng hội thảo, học trực tuyến cần được xây dựng và hoàn thiện cho phép giảng viên và học viên trao đổi trực tiếp với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước với đầy đủ các trang thiết bị và kết nối Internet.

- Xây dựng thư viện điện tử phục vụ cho việc tra cứu các văn bản, sách chuyên ngành, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học để đảm bảo điều kiện nghiên cứu của giáo viên và tham khảo của học viên.

- Cải tạo lại cảnh quan khuôn viên của Trường Hải quan Việt Nam và nâng cấp phù hợp gồm việc ứng dụng công nghệ mới, thông minh, kiểm soát ánh sáng và nhiệt độ...

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức

Việc xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế về ĐTBĐ cán bộ công chức nhằm tiếp cận chiến lược, kế hoạch ĐTBĐ phát triển công chức của các nước tiên tiến, tiếp thu tinh hoa tri thức nhân loại, cụ thể: Xây dựng cơ chế huy động các chuyên gia uy tín ở những nước phát triển tham gia giảng dạy, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ công chức Hải quan. Nghiên cứu áp dụng các chuẩn mực quốc tế về đào tạo bồi dưỡng của ngành Hải quan. Tranh thủ sự hỗ trợ của WCO, Hải quan khu vực ASEAN; Khuyến khích và điều kiện cho cán bộ công chức được đi trao đổi, nghiên cứu, học tập, tiếp thu kinh nghiệm của nước ngoài. Hàng năm, lựa chọn và cử công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và giảng viên tham gia các khóa học ở nước ngoài phù hợp với chức danh và yêu cầu nhiệm vụ được giao; Ký kết hợp tác song phương về đào tạo chuyên gia hải quan với các nước, tổ chức WCO, hướng tới xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu hoặc giảng viên kiêm chức được công nhận là chuyên gia Hải quan hoặc được WCO công nhận là giảng viên của WCO, có thể tham gia giảng dạy quốc tế ./.

Kinh nghiệm Hải quan Trung Quốc về quản lý thương mại điện tử - Xu thế và bài học cho Hải quan Việt Nam

NGUYỄN NGỌC TRÂM

Những năm gần đây, chính phủ Trung Quốc ngày càng coi trọng phát triển và quản lý thương mại điện tử (TMĐT), coi đây là một giải pháp quan trọng giúp chuyển đổi và mở cửa nền kinh tế, cạnh tranh trên trường quốc tế. Trong bối cảnh môi trường thương mại thay đổi chóng mặt, từ Chính phủ cho tới các Bộ, ngành và các địa phương của Trung Quốc cũng đã ban hành nhiều chính sách và quy định chặt chẽ đối với TMĐT.

CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA TRUNG QUỐC

Chính sách thương mại điện tử nội địa Trung Quốc

Chính phủ Trung Quốc đã hạ thấp rào cản gia nhập để hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng TMĐT, ủng hộ mạnh mẽ xây dựng các nền tảng TMĐT và đơn giản hóa quy trình đăng ký vốn, giảm các rào cản tiếp cận và loại bỏ những tổn tại trước khi phê duyệt các vấn đề liên quan đến TMĐT; tăng cường sự tin cậy và thúc đẩy hệ thống tín dụng TMĐT. Ngoài ra tăng cường xây dựng hệ thống tín dụng TMĐT và đưa ra đề xuất thành lập hệ thống quản lý tín dụng TMĐT chuẩn hóa thống nhất, bao gồm tất cả thông tin tín dụng của các bên liên quan; yêu cầu các doanh nghiệp TMĐT tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo mật thông tin, phân định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng đối tác trong giao dịch TMĐT. Chính phủ Trung Quốc cũng đã sửa đổi Luật Quảng cáo, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các luật khác dựa trên những đòi hỏi của TMĐT. Đồng thời, cũng làm rõ các quyền hợp pháp của hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh tra điện tử và các loại tài liệu giao dịch điện tử khác

Chính sách thương mại điện tử xuyên biên giới

Hiện nay, Trung Quốc đang có 2 xu hướng

chính sách quốc tế đối với TMĐT xuyên biên giới. Một là: coi TMĐT là xu hướng chính của thương mại quốc tế và hỗ trợ TMĐT bằng cách đơn giản hóa quy trình thông quan và tăng hạn mức miễn trừ thuế. Xu hướng này là một hình thức tự do hóa thương mại. Hai là: coi TMĐT xuyên biên giới là một hình thức thương mại quốc tế để bảo hộ thương mại.

Trong hướng dẫn thúc đẩy phát triển nhanh và lành mạnh TMĐT xuyên biên giới (ban hành ngày 16/5/2015 bởi Văn phòng Hội đồng Nhà nước Trung Quốc), đã đưa ra những biện pháp hỗ trợ cụ thể đối với các doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu trên 5 lĩnh vực: thông quan, kiểm tra và kiểm dịch, chính sách thuế, thanh toán và hỗ trợ tài chính.

Chính phủ tối ưu các biện pháp nghiệp vụ hải quan, trong đó có quy trình thông quan TMĐT xuyên biên giới. Ví dụ:

- Phân loại doanh nghiệp: Hải quan Trung Quốc chia các doanh nghiệp thương mại thành 4 loại: A, B, C và D dựa trên chỉ số tin cậy, qua đó có những ưu đãi khác nhau khi thông quan, cụ thể: Doanh nghiệp loại A được hưởng nhiều ưu đãi trong việc làm thủ tục hải quan, giám định và thông quan, giám định tại chỗ, dỡ hàng được bảo đảm; giám định thông qua hình thức chọn mẫu đối với những mặt hàng bắt buộc được ưu tiên thông báo trực tiếp thông qua mạng thông tin điện tử và được ưu tiên đăng ký hải quan. Doanh nghiệp loại B chịu sự quản lý thông thường. Doanh nghiệp loại C phải chịu sự kiểm soát và giám sát đặc biệt, ví dụ, phải đặt cọc với những hàng hóa có yêu cầu đảm bảo thuế quan, hoạt động kinh doanh được giám sát chặt chẽ, hầu hết các hoạt động xuất nhập khẩu đều được kiểm tra, và bắt buộc phải làm thủ tục thông báo hải quan ngay tại địa phương. Doanh nghiệp loại D chịu sự

quản lý nghiêm ngặt đối với tất cả các hoạt động xuất nhập khẩu, có thể bị hoãn thông báo hải quan, gửi hàng, lưu kho, thậm chí bị cấm và phạt trong trường hợp phát hiện thấy doanh nghiệp này không đủ tư cách.

- Thuế suất và những ưu đãi về thuế: Thuế suất hàng nhập khẩu của Trung Quốc được chia làm 3 loại: thuế suất phổ thông; thuế suất MFN (thuế suất tối huệ quốc) và thuế suất theo Hiệp định Bangkok. 5 Đặc khu kinh tế, những thành phố mở và các khu thương mại nước ngoài trong thành phố được hưởng ưu đãi giảm thuế hoặc miễn thuế. Trung Quốc có thể áp dụng thuế suất thấp hơn so với thuế suất MFN đối với hàng hoá được Chính phủ xem là cần thiết cho sự phát triển của những ngành công nghiệp then chốt.

Cải thiện các biện pháp quản lý, kiểm tra và kiểm dịch: hàng hóa xuất nhập khẩu phải khai báo và kiểm tra tập trung. Hệ thống quản lý hồ sơ được triển khai để giám sát các doanh nghiệp và hàng hóa TMĐT xuyên biên giới.

Tăng cường chính sách thuế xuất nhập khẩu: chính phủ tiếp tục thực hiện thuế xuất khẩu hàng bán lẻ TMĐT xuyên biên giới hiện hành và xây dựng chính sách thuế nhập khẩu hàng bán lẻ phù hợp trên nguyên tắc kích thích tiêu dùng nội địa, cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy phát triển và tăng cường quản lý thuế nhập khẩu.

Hoàn thiện quản lý thanh toán TMĐT: Ngân hàng Trung ương Trung Quốc và Cục Quản lý Ngoại hối Nhà nước thúc đẩy quá trình thanh toán ngoại hối và dịch vụ thanh toán của các định chế tài chính, đồng thời khuyến khích ngân hàng và các tổ chức thanh toán trong nước thực hiện thanh toán biên mậu theo quy định của pháp luật.

Cung cấp hỗ trợ tài chính: các ngành liên quan sẽ cung cấp hỗ trợ tài chính cần thiết cho các doanh nghiệp TMĐT xuyên biên giới hoạt động tại thị trường nước ngoài và cung cấp dịch vụ bảo hiểm tín dụng, hỗ trợ cung cấp tài chính và bảo hiểm hiệu quả cho các doanh nghiệp TMĐT.

Với hình thức nhập khẩu mua hàng trực tiếp, đơn hàng có trước, hàng được vận chuyển về Trung Quốc sau. Sau khi khách hàng đặt hàng tại các sàn TMĐT, website TMĐT có kết nối chia sẻ dữ liệu với

cơ quan Hải quan về thông tin đơn hàng, tình trạng thanh toán, việc vận chuyển hàng hóa theo thời gian thực khi khách hàng mua hàng hóa. Hàng hóa được xuất hàng từ kho hàng tại nước ngoài và được vận chuyển đến khu vực riêng đối với hàng TMĐT do Hải quan kiểm soát. Sau khi hoàn tất thủ tục thông quan, hàng hóa được giải phóng chuyển cho khách hàng. Hàng hóa thực hiện nhập khẩu mua hàng trực tiếp phong phú về chủng loại hàng hóa, tuy nhiên, thời gian từ khi khách đặt hàng đến khi người mua nhận được hàng thường mất nhiều thời gian hơn, chi phí vận chuyển, hàng hóa đến tay người mua cũng cao hơn.

Tốc độ ứng dụng và phát triển TMĐT của Trung Quốc đã tăng theo cấp số nhân trong thập kỷ gần đây. Theo số liệu Trung Quốc công bố, xuất nhập khẩu TMĐT xuyên biên giới những năm gần đây của nước này trung bình đạt 1,69 nghìn tỷ nhân dân tệ. Có được thành quả đó, có sự đóng góp không nhỏ của các chính sách thông quan và vai trò không thể phủ nhận của Hải quan Trung Quốc.

KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Nhằm đơn giản, tự động hóa quy trình thủ tục hải quan, tạo thuận lợi thương mại, Tổng cục Hải quan Việt Nam tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Cơ chế Một cửa quốc gia (NSW), Cơ chế Một cửa ASEAN (ASW); triển khai công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa nhập khẩu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin... Cùng với đó, Tổng cục Hải quan còn triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hải quan như: xây dựng hệ thống quản lý tem điện tử rượu và thuốc lá nhập khẩu; triển khai và tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm khai hải quan miễn phí cho doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận Manifest đường bộ qua Cổng thông tin điện tử hải quan; phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Bộ Công an; quản lý, giám sát và đảm bảo vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, đường truyền thông suốt phục vụ thông quan hàng hóa nhanh chóng, thuận lợi.

Trong những năm gần đây, thị trường TMĐT Việt Nam ngày càng được mở rộng và hiện đã trở thành phương thức kinh doanh phổ biến được doanh nghiệp, người dân biết đến. Đặc biệt, TMĐT xuyên biên giới ở Việt Nam đối với doanh nghiệp xuất khẩu còn khá mới mẻ với nhiều quy trình, quy định phức tạp về mặt pháp lý, thủ tục và tài chính của nước xuất khẩu, nước nhập khẩu và các nền tảng TMĐT quốc tế. Doanh nghiệp làm TMĐT xuyên biên giới cần phải được trang bị kỹ năng đầy đủ về thương mại quốc tế, hiểu biết về thị trường, đảm bảo sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như kỹ năng TMĐT của nước sở tại. Tìm hiểu về chính sách TMĐT xuyên biên giới của một cường quốc về TMĐT như Trung Quốc sẽ giúp cho Việt Nam có được những kinh nghiệm quý báu.

Cụ thể, về kinh nghiệm kiểm soát rủi ro: Hải quan cần phân lớp để kiểm soát, tối thiểu hóa sự can thiệp từ bên ngoài, phù hợp với thực tế, và ứng dụng công nghệ thông tin. Do đó, Hải quan áp dụng các phương pháp kiểm soát phù hợp với từng đối tượng và từng loại rủi ro, như: loại bỏ rủi ro, chuyển giao rủi ro, ngăn ngừa rủi ro... Thông qua kiểm soát rủi ro, Hải quan xây dựng các tiêu chí rủi ro để đưa vào hệ thống thông quan điện tử. Bằng cách này, Hải quan có thể tiến hành tự động hóa nhiều nội dung kiểm tra và xây dựng các chỉ dẫn nghiệp vụ cho công chức Hải quan thực hiện trong khi làm thủ tục hải quan cho doanh nghiệp. Dựa trên các chỉ dẫn, tùy trường hợp cụ thể, công chức hải quan sẽ buộc phải thực thi theo đúng quy trình đã định.

Việt Nam cũng cần xây dựng các nền tảng TMĐT và đơn giản hóa quy trình đăng ký vốn, giảm các rào cản và đơn giản hóa thủ tục phê duyệt trong TMĐT. Từ đó mới có thể thúc đẩy các cá nhân và tổ chức tham gia TMĐT. Bên cạnh đó, mặc dù TMĐT đa quốc gia tạo cơ hội cho doanh nghiệp tăng kim ngạch xuất khẩu hàng Việt Nam ra thị trường thế giới nhưng mỗi thị trường lại có những quy định, yêu cầu khác nhau về chất lượng sản phẩm, cách thức giao dịch... Để có thể triển khai được TMĐT đa quốc gia một cách hiệu quả đòi hỏi doanh nghiệp cần nắm rõ những yêu cầu này.

Cần tăng cường các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống vận chuyển hàng hóa hoạt động hiệu quả. Khi phát triển TMĐT xuyên biên giới, logistics là những thách thức lớn đối với nhiều doanh nghiệp do chi phí vận chuyển cao, các loại thuế và quy tắc xuất nhập khẩu phức tạp, rủi ro do các yếu tố bên ngoài như thiên tai, dịch bệnh khiến hàng hóa không đến tay khách đúng thời gian dự tính. Doanh nghiệp cần dự báo trước các khó khăn, rủi ro có thể xảy ra, từ đó xây dựng cho mình các giải pháp để xử lý các tình huống đó.

Cần xây dựng một cách hiệu quả và chặt chẽ các quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo mật thông tin và các doanh nghiệp TMĐT phải tuân thủ những quy định và tiêu chuẩn này. Xây dựng hệ thống quản lý bảo mật giao dịch TMĐT để làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của từng bên trong giao dịch TMĐT. Cùng với đó, hoàn thiện hệ thống pháp lý để tăng cường bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, ngăn ngừa lừa đảo, bán hàng giả hàng kém chất lượng trong môi trường TMĐT.

Đặc biệt, cần hoàn thiện và tăng cường các chính sách quản lý TMĐT xuyên biên giới, thực hiện tích hợp các quy trình TMĐT xuyên biên giới về thông quan, kiểm tra và kiểm dịch, thanh toán, nộp thuế và các quy trình khác, giúp đơn giản đáng kể quy trình thông quan và nâng cao hiệu quả thông quan. Đồng thời, xây dựng các chính sách thuế xuất nhập khẩu hàng hóa TMĐT phù hợp trên nguyên tắc kích thích tiêu dùng nội địa, cạnh tranh lành mạnh, thúc đẩy phát triển và tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu.

Đại dịch Covid-19 đã chứng minh TMĐT không chỉ là một công cụ hay giải pháp hữu ích đối với người tiêu dùng trong thời kỳ khủng hoảng, mà còn là động lực phát triển kinh tế và là một phương thức, xu hướng kinh doanh vô cùng có triển vọng. Vì thế, việc chuyển từ hình thức mua bán truyền thống sang sử dụng các nền tảng kỹ thuật số, TMĐT không còn là sự lựa chọn, mà là xu thế bắt buộc giúp các doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Theo xu hướng đó, vai trò của ngành Hải quan trong quản lý TMĐT cũng cần phải được phát huy, thích ứng với thời cuộc./.

Vai trò của Hải quan trong thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Vương quốc Anh và Bắc Ai - Len (UKVFTA)

TRÀ MI
(Tổng hợp)

Hiệp định UKVFTA được đánh giá là một "đòn bẩy" thúc đẩy thương mại Việt Nam - Vương quốc Anh phục hồi sau những giảm sút đáng kể vào năm 2019 và 2020, đặt ra những thách thức không nhỏ đối với cơ quan Hải quan. Từ thực tế đó, Viện Nghiên cứu Hải quan đã tiến hành nghiên cứu đề tài cấp Tổng cục Hải quan **"Vai trò của Hải quan trong thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai - len (UKVFTA), dự báo trường hợp Vương quốc Anh tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)"** – Mã số TCHQ/ĐT/2021-12.

Cũng giống như Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), Hiệp định UKVFTA là một FTA thế hệ mới với tiêu chuẩn cao và mức độ tự do hóa mạnh. Hiệp định UKVFTA có phạm vi cam kết rộng, bao trùm các khía cạnh thương mại đầu tư truyền thống như: mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư... và mới như: mua sắm công, doanh nghiệp nhà nước, chính sách cạnh tranh... Hiệp định đã góp phần tạo cơ hội cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam và thúc đẩy xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, Hiệp định UKVFTA cũng đặt ra những thách thức nhất định trong việc tận dụng cam kết cũng như sức ép đối với thị trường trong nước, đòi hỏi Chính phủ, các ban ngành và bản thân các doanh nghiệp Việt Nam phải nỗ lực rất nhiều để nắm bắt cơ hội đồng thời trụ vững trước những thách thức về tuân thủ các rào cản kỹ thuật đối với thương mại, các yêu cầu chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu, hệ thống phân phối hàng hóa.

Bên cạnh những cơ hội mà Hiệp định mang lại cho nền kinh tế Việt Nam và tạo động lực cho Hải quan chuyển mình, thích ứng với những yêu



cầu mới của thời đại cũng như nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật từ Hải quan các nước đối tác thì Hiệp định cũng đặt ra những thách thức, yêu cầu khắt khe đối với ngành Hải quan trong việc đơn giản hóa thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát; kiểm soát hiệu quả hàng hóa XNK hai chiều Việt Nam - Vương quốc Anh; đảm bảo số thu ngân sách của ngành Hải quan khi thực hiện các cam kết về thuế theo Hiệp định; thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất nhập khẩu; đẩy mạnh hiệu quả công tác quản lý rủi ro từng giai đoạn khác nhau; xây dựng khuôn khổ pháp lý để thực hiện quản lý hải quan đối với hàng xuất nhập khẩu qua giao dịch thương mại điện tử và nâng cao năng lực của cán bộ Hải quan thực hiện các cam kết trong Hiệp định.

Qua rà soát pháp lý về hải quan trong thực thi các điều khoản của Hiệp định UKVFTA, có thể thấy pháp luật Việt Nam hiện nay đã đáp ứng và tương thích cao với các cam kết của Hiệp định. Đặc biệt, sau khi ký kết Hiệp định, Việt Nam đã kịp thời ban hành các văn bản bổ sung kịp thời quy định với quy trình thủ tục tiến bộ. Đặc biệt là việc ban hành các văn bản Thông tư, Nghị định cụ thể hóa trực các điều khoản của Hiệp

định đối với từng lĩnh vực, từ đó rút ngắn tối đa khoảng cách pháp lý giữa các quy định pháp luật hải quan của Việt Nam so với cam kết trong Hiệp định. Tuy nhiên, vẫn cần lưu ý một số vấn đề về việc công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan; thẩm quyền của cơ quan Hải quan về thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới; kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo cơ chế Một cửa quốc gia; quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử...

Thời gian qua, để thực hiện đầy đủ các cam kết trong khuôn khổ của Hiệp định UKVFTA, ngành Hải quan đã thực hiện cải cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực như đơn giản hóa thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hải quan, kiểm soát hiệu quả hàng hóa XNK hai chiều Việt Nam - UK, thực hiện các cam kết về thuế theo Hiệp định, thực hiện công tác kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra chất lượng hàng hóa XNK, thực hiện quản lý hải quan đối với hàng hóa XNK qua giao dịch thương mại điện tử và nâng cao năng lực cán bộ, công chức Hải quan để thực thi Hiệp định. Tuy nhiên, để tiếp tục thực hiện các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định UKEVFTA, Hải quan Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa TTHC liên quan đến công tác quản lý thuế, chế độ kế toán, hoàn thuế, miễn thuế, tháo gỡ khó khăn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vào thị trường Anh trong thời gian tới. Ngoài ra, Hải quan Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với ngân hàng để thực hiện thí điểm nộp thuế điện tử 24/7. Tiếp tục thực hiện minh bạch hóa thông tin, chính sách và các quy định pháp luật hải quan với người dân và doanh nghiệp, đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình làm thủ tục hải quan. Ứng dụng Hải quan số tiến tới Hải quan thông minh nhằm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hải quan trong xu thế hiện nay. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát hải quan trên các mặt như



quản lý rủi ro, chống gian lận xuất xứ, thực hiện bảo hộ quyền SHTT tại biên giới và đặc biệt là kiểm soát hiệu quả công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại các mặt hàng XNK vào các thị trường FTA...

Qua thực tế rà soát trên, đề tài đã đưa ra những đề xuất, kiến nghị để Hải quan Việt Nam thực hiện tốt vai trò trong thực hiện Hiệp định, cụ thể:

Thứ nhất, về cơ sở pháp lý: Cơ quan Hải quan cần tham mưu đề xuất với các cơ quan chức năng để xây dựng, hoàn thiện pháp lý về một số vấn đề như: (i) Đề xuất xây dựng Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan, trong đó có điều khoản về điểm giải đáp với quy định thiết lập đầu mối giải đáp thông tin tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các Chi cục Hải quan; (ii) Cần trao quyền hơn nữa cho cơ quan Hải quan trong thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới, theo đó quy định rõ thẩm quyền tạm dừng làm thủ tục hải quan của cơ quan Hải quan để tiến hành kiểm tra hàng hóa nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở kỹ thuật phân tích rủi ro mà không cần phải có yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; (iii) Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khai thác hiệu quả các hiệp định, điều ước quốc tế thông qua năng lực điều tra, cảnh báo sớm và ứng phó với các vụ, việc phòng vệ thương mại trong và ngoài nước; (iv) Tham mưu đề xuất để sớm ban hành Nghị định quy định thực hiện kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện theo

cơ chế Một cửa quốc gia, tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành; (v) Tham mưu xây dựng quy định, quy trình riêng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua thương mại điện tử.

Thứ hai, về nghiệp vụ hải quan: Cơ quan Hải quan cần thực hiện tốt các giải pháp cụ thể sau:

Cải cách thủ tục hải quan, ứng dụng công nghệ thông tin: Tổng cục Hải quan cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thông quan hàng hóa trên cơ sở áp dụng hệ thống thông quan điện tử hướng tới áp dụng mô hình Hải quan thông minh.

Hoàn thiện công tác kiểm tra chuyên ngành: Hiệp định UKVFTA có nhiều yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật chất lượng rất cao và để tận dụng được các ưu đãi từ Hiệp định, các doanh nghiệp phải đáp ứng được yêu cầu chất lượng và quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn EU hoặc tiêu chuẩn Vương quốc Anh. Điều đó cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với cơ quan Hải quan trong việc kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất đi thị trường Anh. Do đó, cơ quan Hải quan cần nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý chuyên ngành.

Giải pháp về chống buôn lậu, gian lận thương mại, giả mạo xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp: Cơ quan Hải quan cần tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm chống lấn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ; tăng cường hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền nước nhập khẩu kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Đồng thời, triển khai quyết liệt, áp dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tại các tuyến, địa bàn, mặt hàng trọng điểm, trọng tâm. Triển khai thực hiện tốt công tác chỉ huy, trực ban, giám sát trực tuyến để kịp thời chia sẻ thông tin và xây dựng kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại thông qua hình thức chuyển tải bất hợp pháp. Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, trực ban, giám sát trực tuyến và cảnh báo nghiệp vụ về các hiện tượng nóng, nổi cộm, các phương thức, thủ đoạn chuyển tải bất hợp pháp mới trên từng vùng. Bên cạnh đó, cơ quan Hải quan cần phải

có những biện pháp tăng cường liên chính hải quan.

Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác QLRR: Cơ quan Hải quan cần hoàn thiện một số chức năng trên hệ thống QLRR, nghiên cứu áp dụng QLRR vào một số nghiệp vụ của ngành, xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ giữa các đơn vị Hải quan các cấp trong hoạt động thu thập, phân tích thông tin để chủ động kiểm soát rủi ro đối với tờ khai được phân vào luồng Xanh, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các đối tượng lợi dụng sự thông thoáng trong thủ tục hải quan để buôn lậu, gian lận thương mại. Bên cạnh đó, lực lượng quản lý rủi ro các cấp cần tập trung đánh giá, phân loại đối tượng rủi ro cao trên từng địa bàn để làm cơ sở áp dụng biện pháp kiểm soát phù hợp, đảm bảo việc phân luồng quyết định kiểm tra chính xác. Tiến hành các biện pháp kiểm soát, giám sát hải quan, thu thập, trao đổi thông tin nghiệp vụ từ các cơ quan Hải quan, giữa cơ quan Hải quan và các cơ quan chức năng trong và ngoài nước, nguồn tin do quần chúng nhân dân cung cấp nhằm phát hiện các doanh nghiệp, lô hàng vi phạm, kịp thời áp dụng biện pháp dừng hàng qua khu vực giám sát để kiểm tra hoặc khám xét đối với các lô hàng có dấu hiệu vi phạm theo quy định.

Giải pháp tăng cường hợp tác quốc tế và phối hợp với các Bộ, Ban, ngành: Để thực thi Hiệp định UKVFTA đạt hiệu quả, cơ quan Hải quan cần tăng cường hợp tác quốc tế giữa Việt Nam với Vương quốc Anh để tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm, công nghệ... nhằm thúc đẩy hơn nữa quá trình phối hợp trong thực thi Hiệp định; thực hiện cơ chế trao đổi thông tin để đảm bảo hiệu quả công tác kiểm soát đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; đề xuất tổ chức các cuộc họp rà soát hàng năm giữa Việt Nam và Vương quốc Anh để công bố các kết quả mà hai bên đã thực hiện, cũng như các vấn đề cần trao đổi, thực hiện sớm. Ngoài ra, Hải quan cần tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị trong và ngoài Tổng cục Hải quan liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là công tác trao đổi thông tin, tài liệu, nghiệp vụ; Phối hợp với các cơ quan Ban ngành trong việc xây dựng một hệ thống ứng xử với TBT của

nước ngoài trên cơ sở tham khảo các hệ thống của các nước đã có.

Thực hiện các cam kết về thuế theo Hiệp định và áp dụng hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại: Cơ quan Hải quan cần thực hiện các cam kết về thuế quan theo lộ trình và kiểm tra các mặt hàng XNK vào thị trường Anh đáp ứng quy định trong Nghị định 53/2021/NĐ-CP. Năng lực của cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý và thu thuế cần được nâng cao, phải cập nhật đầy đủ và kịp thời những diễn biến chính sách thuế để tạo thuận lợi về thủ tục cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế. Ngoài ra, do thực hiện các cam kết về thuế sẽ khiến nguồn thu có xu hướng suy giảm theo các khoản thuế nhập khẩu bị cắt giảm. Việc thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại như các khoản thuế nhập khẩu bổ sung cần được tăng cường và siết chặt để tránh thất thu cho ngân sách nhà nước và bảo vệ hợp pháp các ngành sản xuất trong nước trong thời gian tới.

Hiện nay, trong bối cảnh Vương quốc Anh đưa ra đề nghị chính thức gia nhập Hiệp định CPTPP, dự báo sẽ có những cụ thể hóa chính sách cho phù hợp với quan hệ giữa Việt Nam - Vương quốc Anh và Việt Nam với các thành viên của Hiệp định. Khi Vương quốc Anh gia nhập Hiệp định CPTPP sẽ đặt ra một số yêu cầu đặt ra cho Hải quan Việt Nam trong việc tăng cường hợp tác hải quan giữa các bên; điều chỉnh biểu thuế theo cam kết về cắt giảm thuế quan; đảm bảo công tác thu ngân sách nhà nước; đáp ứng các quy định về tự chứng nhận xuất xứ; thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại biên giới và nâng cao hiệu quả công tác chống gian lận thương mại, gian lận xuất xứ.

Do đó, đề tài cũng đã đề xuất hướng xử lý những vấn đề phát sinh trong lĩnh vực hải quan khi Vương quốc Anh gia nhập Hiệp định CPTPP, cụ thể:

Một là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hải quan: Yêu cầu hội nhập kinh tế đất nước đòi hỏi vừa phải đối phó với tình hình buôn lậu nhưng phải tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại. Do vậy, cần có các biện pháp nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước về hải quan như xây

dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế; xây dựng và hoàn thiện các thủ tục và chế độ quản lý hải quan phải đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; rà soát, kiện toàn tổ chức được bộ máy hải quan phù hợp đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước; tăng cường cơ chế phối hợp giữa Hải quan và các Bộ, ngành trong việc đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu qua biên giới.

Hai là, nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại: Để làm tốt công tác quản lý nhà nước của Hải quan trong tham gia thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại, Hải quan Việt Nam cần thực hiện các thủ tục và chế độ quản lý hải quan đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; nâng cao chất lượng thống kê nhà nước về hải quan; đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro đối với hàng nhập khẩu và tăng cường hợp tác quốc tế về hải quan.

Ba là, tăng cường công tác phòng chống gian lận xuất xứ: Khi Vương quốc Anh tham gia Hiệp định CPTPP, cơ quan Hải quan cần tiếp tục triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm kiểm soát chặt chẽ vấn đề lợi dụng xuất xứ hàng hóa, nhất là việc tự chứng nhận xuất xứ theo thỏa thuận tại Hiệp định CPTPP và Hiệp định UKVFTA để xuất khẩu hàng hóa sang Vương quốc Anh. Tăng cường công tác kiểm tra, xác định xuất xứ để nhằm ngăn chặn gian lận xuất xứ hàng hóa. Thu thập, phân tích thông tin từ đó đưa ra danh sách các mặt hàng, doanh nghiệp cần kiểm soát chặt chẽ về xuất xứ hàng hóa. Đặc biệt với thủ đoạn lợi dụng chuyển tải để gian lận xuất xứ, cơ quan Hải quan cần tăng cường theo dõi, kiểm tra, xác định xuất xứ, đẩy mạnh quản lý đối với một số nhóm mặt hàng nhập khẩu, xuất khẩu có kim ngạch tăng đột biến, các mặt hàng trong diện áp dụng thuế suất chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, có nguy cơ gian lận, giả mạo xuất xứ, ghi nhãn hàng hóa, chuyển tải bất hợp pháp./.

THƯ MỜI VIẾT BÀI CHO BẢN TIN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

Bản tin Nghiên cứu Hải quan với tôn chỉ, mục đích là diễn đàn khoa học rộng rãi của ngành Hải quan nhằm thông tin, trao đổi các vấn đề, nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động hải quan; nghiên cứu chiến lược phát triển ngành Hải quan; ứng dụng những thành tựu khoa học vào hoạt động nghiệp vụ hải quan, góp phần phổ biến, tuyên truyền giáo dục Pháp luật Hải quan; thông tin về sự phát triển khoa học hải quan trong khu vực và thế giới.

Để Bản tin Nghiên cứu Hải quan có thể phản ánh đầy đủ và có chất lượng các nội dung trên, chúng tôi rất mong các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, các cộng tác viên trong và ngoài ngành tham gia viết tin bài, cung cấp thông tin và gửi ảnh cho Bản tin Nghiên cứu Hải quan về các nội dung:

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn trong hoạt động công tác Hải quan.

Nghiên cứu chiến lược phát triển ngành Hải quan.

Nghiên cứu ứng dụng những thành tựu mới của Khoa học – Công nghệ vào hoạt động nghiệp vụ ngành Hải quan.

Nghiên cứu về Pháp luật Hải quan và Pháp luật khác có liên quan đến hoạt động Hải quan.

Nghiên cứu về tham gia công ước quốc tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực hải quan và các lĩnh vực khác có liên quan.

Nghiên cứu về lịch sử hải quan và các bài học kinh nghiệm về xây dựng và phát triển ngành Hải quan.

Các lĩnh vực nghiên cứu kinh tế, tài chính khác.

Tin, bài được viết bằng tiếng Việt trên khổ giấy A4, phông chữ Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 (tối đa 4.000 từ) gửi Bản tin Nghiên cứu Hải quan phải của chính tác giả và chưa được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng (nếu đã công bố phải ghi rõ đã đăng tải ở báo nào). Bài viết xin ghi rõ tên tác giả, bút danh (nếu có), số điện thoại, số fax, địa chỉ liên lạc, email.

Tin bài viết gửi về Ban biên tập Bản tin Nghiên cứu Hải quan theo địa chỉ:

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC, VIỆN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN
Số 9, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84-24)39440833 * Máy lẻ: 8788, 8703 * Fax: (84-24)39440651

BẢN TIN NGHIÊN CỨU HẢI QUAN

